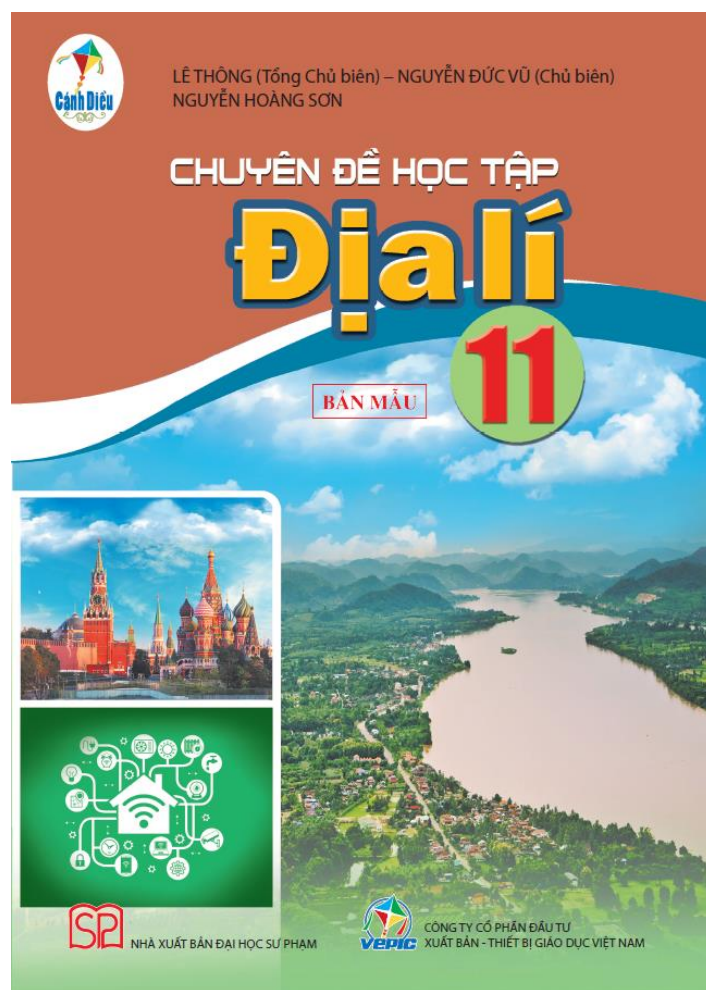
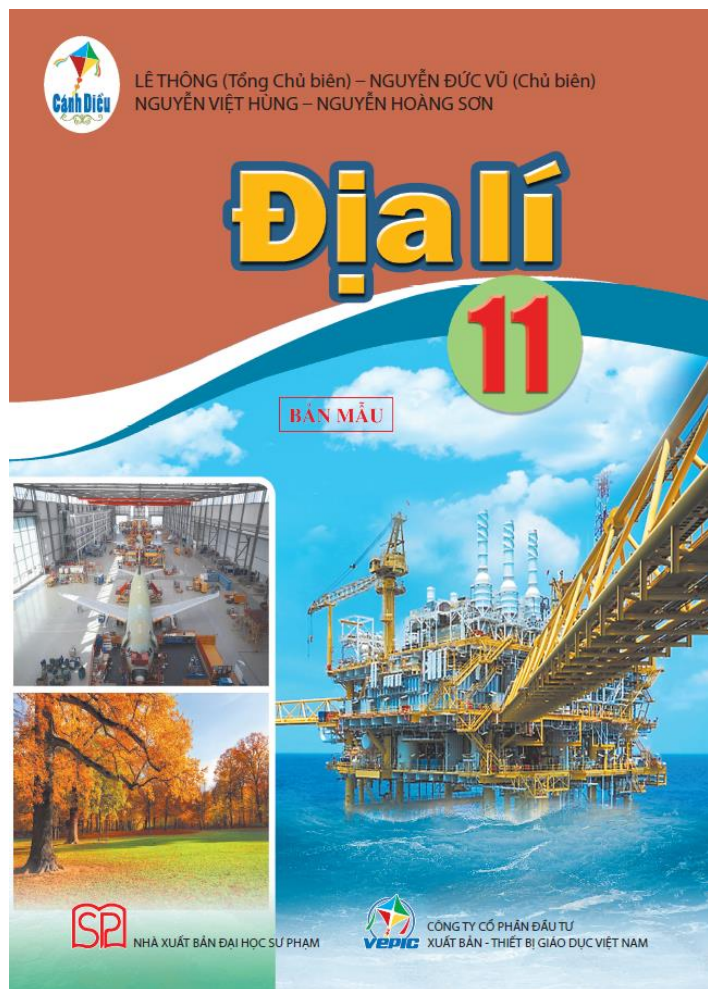


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ



**TÀI LIỆU TẬP HUẤN SỬ DỤNG
SÁCH GIÁO KHOA MÔN ĐỊA LÍ 11
(BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)**



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
PHẦN A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN ĐỊA LÍ	3
1.1. Đặc điểm của môn Địa lí	3
1.2. Mục tiêu chương trình môn Địa lí	3
1.3. Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong môn Địa lí	3
2. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11 CÁNH DIỀU	6
2.1. Đội ngũ tác giả	6
2.2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Địa lí 11 và chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều	9
3. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11 CÁNH DIỀU	16
3.1. Bám sát Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí	16
3.2. Nội dung đảm bảo tính thiết thực phục vụ phát triển năng lực	21
3.3. Đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp và đề cao hoạt động trải nghiệm	23
3.4. Thể hiện cụ thể các quan điểm phát triển chương trình môn học	23
4. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11 CÁNH DIỀU	24
4.1. Tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực	24
4.2. Đảm bảo tính kế thừa và hiện đại	25
4.3. Tạo cơ sở cho giáo viên và học sinh đổi mới dạy và học	25
4.4. Chú trọng tích hợp	26
4.5. Đổi mới về hình thức và cách trình bày	26
5. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC ĐỊA LÍ LỚP 11	37
5.1. Định hướng chung phương pháp giáo dục Địa lí lớp 11	37



5.2. Định hướng chung đánh giá kết quả giáo dục Địa lí lớp 11	39
6. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ	40
6.1. Sách giáo viên	40
6.2. Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử	41
PHẦN B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ	42
PHẦN C. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC	52
1. GỢI Ý MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC	52
1.1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn	52
1.2. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn	54
1.3. Câu trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi (ghép hợp)	55
1.4. Câu trắc nghiệm đúng/sai (hoặc có/không) phức hợp	56
1.5. Một số dạng câu hỏi khác	58
2. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ	59
2.1. Các bước xây dựng đề kiểm tra	59
2.2. Đề kiểm tra giữa học kì I	59



PHẦN A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN ĐỊA LÍ (sau đây gọi tắt là Chương trình 2018)

1.1. Đặc điểm của môn Địa lí

Giáo dục địa lí được thực hiện ở tất cả các cấp học phổ thông. Ở trung học phổ thông, Địa lí là môn học thuộc nhóm môn khoa học xã hội được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh.

Môn Địa lí vừa thuộc lĩnh vực khoa học xã hội (Địa lí kinh tế xã hội) vừa thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên (Địa lí tự nhiên), giúp học sinh có được những hiểu biết cơ bản về khoa học địa lí, các ngành nghề có liên quan đến địa lí, khả năng ứng dụng kiến thức địa lí trong đời sống; đồng thời củng cố và mở rộng nền tảng tri thức, kĩ năng phổ thông cốt lõi đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tạo cơ sở vững chắc giúp học sinh tiếp tục theo học các ngành nghề liên quan.

1.2. Mục tiêu chương trình môn Địa lí

Trên nền tảng những kiến thức cơ bản và phương pháp giáo dục đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh, Chương trình môn Địa lí giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực địa lí – một biểu hiện của năng lực khoa học; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng định hướng nghề nghiệp; để hình thành nhân cách công dân, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong môn Địa lí

1.3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Trong Chương trình tổng thể đã xác định:

- Các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù



– Các năng lực đặc thù được hình thành, phát triển thông qua môn Địa lí gồm: nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Yêu cầu cần đạt của năng lực đặc thù Địa lí được biểu hiện cụ thể như sau:

Bảng 1. Năng lực đặc thù Địa lí

Thành phần năng lực	Biểu hiện
NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ	
Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian	<ul style="list-style-type: none">– Sử dụng được bản đồ địa hình kết hợp với địa bàn để xác định vị trí của một điểm trên thực địa; xác định được vị trí của một sự vật, hiện tượng địa lí trên bản đồ.– Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng.– Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí.– Sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng bản đồ hoặc lược đồ để trình bày về mối quan hệ không gian của các đối tượng địa lí; phát hiện, chọn lọc, tổng hợp và trình bày được đặc trưng địa lí của một địa phương; từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt các địa phương với nhau.
Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí	<ul style="list-style-type: none">– Giải thích được cơ chế diễn ra một số hiện tượng, quá trình tự nhiên trên Trái Đất; sự hình thành, phát triển và phân bố của một số yếu tố hoặc thành phần tự nhiên; một số đặc điểm của sự vật, hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất và ở lãnh thổ Việt Nam; phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương.– Giải thích được các sự vật, hiện tượng; sự phân bố, đặc điểm, quá trình phát triển về kinh tế – xã hội ở mỗi quốc gia, khu vực và ở Việt Nam.



	<ul style="list-style-type: none">– Giải thích được các sự vật, hiện tượng, quá trình kinh tế xã hội trên cơ sở vận dụng mối liên hệ và tác động của tự nhiên.– Giải thích được những hệ quả (tích cực, tiêu cực) do con người tác động đến môi trường tự nhiên; giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
TÌM HIỂU ĐỊA LÍ	
Sử dụng các công cụ địa lí học	<p>Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lí để miêu tả những hiện tượng, quá trình địa lí; lập được bộ sưu tập hình ảnh (bản giấy và bản kĩ thuật số).</p> <ul style="list-style-type: none">– Đọc được bản đồ để khai thác thông tin, kiến thức cần thiết; khai thác được các kênh thông tin bổ sung (biểu đồ, tranh ảnh,...) từ bản đồ, atlas địa lí; đọc được lát cắt địa hình; sử dụng được một số bản đồ thông dụng trong thực tế.– Thực hiện được một số tính toán đơn giản (tính GDP bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng kinh tế,...); nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; xây dựng được bảng thống kê có cấu trúc phù hợp với ý tưởng phân tích số liệu; vẽ được một số loại biểu đồ thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô,... của đối tượng địa lí từ số liệu đã cho.– Nhận xét được biểu đồ và giải thích; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình địa lí.
Tổ chức học tập ở thực địa	<ul style="list-style-type: none">– Xây dựng được kế hoạch học tập thực địa; sử dụng được những kĩ năng cần thiết để thu thập tài liệu sơ cấp ngoài thực địa: quan sát, quan trắc, chụp ảnh thực địa, phỏng vấn, vẽ lược đồ, sơ đồ,... trình bày được những thông tin thu thập được từ thực địa.
Khai thác Internet phục	<ul style="list-style-type: none">– Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông



vụ môn học	tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ĐÃ HỌC	
Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế	– Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; liên hệ được thực tế địa phương, đất nước,... để làm sáng rõ hơn kiến thức địa lí.
Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn	– Trình bày ý tưởng và xác định được cụ thể chủ đề nghiên cứu ở địa phương; vận dụng được kiến thức, kỹ năng địa lí vào việc nghiên cứu chủ đề, viết được báo cáo hoàn chỉnh và trình bày kết quả nghiên cứu theo các hình thức khác nhau.
Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn	– Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống.

2. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11 CÁNH DIỀU

2.1. Đội ngũ tác giả

– Tổng Chủ biên và Chủ biên của Địa lí 11 Cánh Diều là chuyên gia về chương trình và SGK Địa lí:

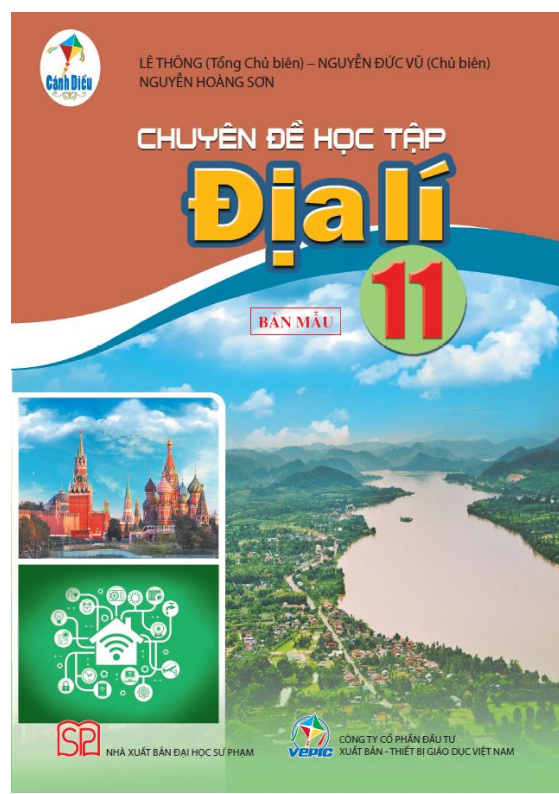
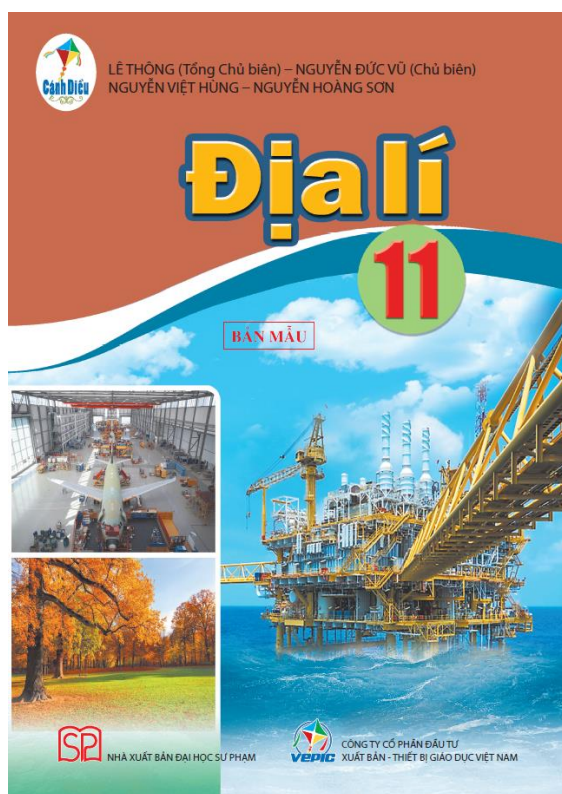
+ GS.TS Lê Thông (Tổng Chủ biên) đã từng là Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả của các bộ SGK Địa lí trước đó, các bộ sách chuyên đề, tham khảo,... cho cả bậc đại học, cao đẳng và đặc biệt là bậc phổ thông; là Trưởng Ban Phát triển Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (CT 2018).

+ PGS. TS. Nguyễn Đức Vũ (Chủ biên) đã từng là tác giả SGK Địa lí 11 chương trình 2006, thành viên Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình môn Địa lí năm 2006, thư kí Ban Phát triển Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (CT 2018).

– Các tác giả: PGS. TS. Nguyễn Hoàng Sơn là nhà khoa học, giảng viên lâu năm của khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Đại học Huế; Nguyễn Việt Hùng nguyên là chuyên viên Vụ chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tác giả SGK Địa lí 11 chương trình 2006.

– Đội ngũ tác giả với những thế hệ khác nhau, gắn với năng lực và kinh nghiệm biên soạn SGK. Thế hệ chuyên môn vững vàng và giàu kinh nghiệm biên soạn SGK từ năm 1980 đến nay. Thế hệ kế cận năng động và thích ứng nhanh với những đổi mới của xã hội, sử dụng ngoại ngữ thành thạo để tham khảo kinh nghiệm biên soạn SGK của một số nước tiên tiến trên thế giới.

2.2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Địa lí 11 và chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều



2.2.1. Một số thông tin chung

– Tính pháp lí: SGK Địa lí 11 và Chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 774/QĐ-BGDĐT.

– Mục đích biên soạn: Nhằm cung cấp cho học sinh (HS) một tài liệu chính thức, thiết yếu với hệ thống kiến thức cơ bản, thực tiễn, để từ đó hình thành các năng lực phù hợp. Đồng thời, dùng làm tài liệu cho giáo viên (GV) khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS.



- Đối tượng sử dụng:
 - + HS lớp 11 và GV dạy Địa lí ở trường trung học phổ thông;
 - + Cán bộ quản lý giáo dục, phụ huynh HS và những người quan tâm đến môn Địa lí.
- Phạm vi sử dụng: học trực tiếp trên lớp, học trực tuyến, thực hành và các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,...
- Số trang:
 - + Sách giáo khoa Địa lí 11 Cánh Diều: 160 trang.
 - + Chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều: 56 trang.
- Khổ sách: 19 x 26,5 cm.
- Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm

2.2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Địa lí 11 và Chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều

2.2.2.1. Cấu trúc sách giáo khoa Địa lí 11 Cánh Diều

Sách giáo khoa Địa lí 11 Cánh Diều được cấu trúc thành hai phần, 31 bài. Sách có Hướng dẫn sử dụng sách, Lời nói đầu đặt ở đầu sách. Cuối sách có: Bảng Giải thích thuật ngữ, Bảng Tra cứu địa danh/ Tên riêng nước ngoài, Mục lục.

Các phần và bài gồm có (*xem chi tiết ở bảng 4*):

- + Phần 1. Một số vấn đề kinh tế xã hội thế giới, với 6 bài, trong đó có 2 bài thực hành.
- + Phần 2. Địa lí khu vực và quốc gia, với 25 bài, trong đó có 10 bài thực hành.

Bảng giải thích thuật ngữ: giải nghĩa một số thuật ngữ khó đối với HS lớp 11.

Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: giúp cho HS thuận tiện tra cứu trên internet nếu muốn tìm hiểu thêm, Bảng tra cứu địa danh nước ngoài gồm các cột: tên tiếng Việt (như trong SGK), tên tiếng Anh (như trong các từ điển địa danh, từ điển Wiki) và trang mà địa danh xuất hiện.

2.2.2.2. Cấu trúc sách Chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều

Sách Chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều được cấu trúc thành 3 chuyên đề. Sách có Hướng dẫn sử dụng sách, Lời nói đầu đặt ở đầu sách. Cuối sách có: Bảng Giải thích thuật ngữ,



Bảng Tra cứu địa danh/ Tên riêng nước ngoài, Mục lục.

Các chuyên đề gồm:

- + Chuyên đề 1: Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á
- + Chuyên đề 2: Một số vấn đề về du lịch thế giới
- + Chuyên đề 3. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)

2.2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Địa lí 11 Cánh Diều và chuyên đề trong sách Chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều

Mỗi bài học trong SGK Địa lí 11 Cánh Diều hoặc mỗi chuyên đề trong sách Chuyên đề học tập Địa lí 11 đều có:

- Tên bài/ chuyên đề: gồm số thứ tự và tên bài/ chuyên đề.
- Yêu cầu cần đạt: Theo đúng ở chương trình quy định.
- Phần Mở đầu: nêu các vấn đề/tình huống học tập/nhiệm vụ cụ thể để giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.
- Phần Kiến thức mới: trình bày những nội dung cốt lõi của bài/ chuyên đề dưới dạng kênh chữ, kênh hình (bản đồ, lược đồ, bảng số liệu, bảng kiến thức, sơ đồ, tranh ảnh,...). Ở một số bài/ chuyên đề, trong phần này còn có ô “Em có biết?” để mở rộng hiểu biết về một hiện tượng, đối tượng địa lí nào đó được nói đến trong bài/ chuyên đề, hoặc liên hệ thực tế.
- Luyện tập và vận dụng:
 - + Luyện tập: là những câu hỏi, bài tập giao cho học sinh thực hiện nhằm củng cố hoặc vận dụng kiến thức của bài học/ chuyên đề.
 - + Vận dụng: là nhiệm vụ/ yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.



MANG CUỘC SỐNG VÀO BÀI HỌC – ĐƯA BÀI HỌC VÀO CUỘC SỐNG

LIÊN BANG NGA

BÀI 19. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI LIÊN BANG NGA

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu, tư liệu, tháp n.

1. Liên bang Nga có diện tích lớn nhất thế giới, tài nguyên thiên nhiên rất phong phú, có giá trị lớn về khoa học kỹ thuật, nhiều dân tộc văn hoá đa dạng... Những đặc điểm đó có tác động như thế nào đến phát triển kinh tế – xã hội của Liên bang Nga?

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

Liên bang Nga có diện tích khoảng 17 triệu km² (lớn nhất thế giới), trải theo chiều bắc – nam từ khoảng vĩ độ 41°11'B đến khoảng vĩ độ 77°43'B và theo chiều đông – tây từ khoảng kinh độ 27°Đ đến khoảng kinh độ 169°40'T. Lãnh thổ bao gồm phần lớn đồng bằng Đông Âu, toàn bộ phần Bắc Á và tỉnh Ca-li-ain-grát nằm biệt lập; kéo dài từ biển Barents ở phía tây đến Thái Bình Dương ở phía đông, từ Bắc Băng Dương ở phía bắc đến Biển Đen và biển Ca-xpi ở phía nam.

Liên bang Nga giáp nhiều quốc gia với đường biên giới xấp xỉ chiểu dài. Vùng biển rộng lớn thuộc Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương và các biển Barents, Biển Đen, Ca-xpi.

Lãnh thổ rộng lớn đã làm cho Liên bang Nga có thiên nhiên đa dạng, tài nguyên phong phú. Vị trí địa lí giúp với nhiều quốc gia, giúp biến là điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội. Đồng thời, lãnh thổ rộng lớn cũng đặt ra các vấn đề quan tâm về phát triển kinh tế – xã hội giữa các vùng, các khu vực.

6. Khoáng sản

Liên bang Nga có nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có, đặc biệt là dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá. Khoáng sản kim loại đen phong phú. Đây là nguồn tài nguyên quý giá để phát triển công nghiệp. Tuy nhiên, nhiều loại khoáng sản phân bố ở vùng có tự nhiên khắc nghiệt, khó khai thác.

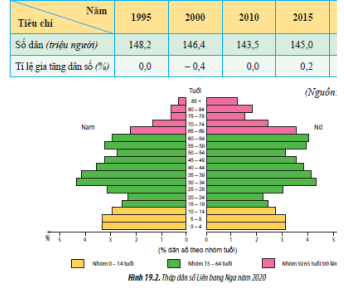
4. Đọc thông tin và quan sát hình 19.1, hãy:

- Trình bày điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Liên bang Nga.
- Phân tích ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến kinh tế – xã hội Liên bang Nga.

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư

Liên bang Nga có số dân đông thứ 9 trên thế giới (năm 2020). Tỷ lệ gia tăng tự nhiên rất thấp, có giá trị âm trong nhiều năm. Tỷ lệ dân số ở nhóm từ 65 tuổi, tuổi thọ trung bình là 73 tuổi (năm 2020), cơ cấu dân số già.



4. Đọc thông tin, quan sát các hình 19.2, 19.3 và dựa vào bảng 19, hãy:

- Trình bày đặc điểm dân cư của Liên bang Nga.
- Phân tích tác động của đặc điểm dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội Liên b

2. Xã hội

Nền văn hoá của Liên bang Nga đa dạng và độc đáo, thể hiện trong kiến trúc, thủ công mỹ nghệ, lễ hội, mùa ba-lê, âm nhạc truyền thống... Những bản sắc này đóng góp vào phát triển kinh tế đất nước, đặc biệt đối với ngành du lịch.

Trình độ học vấn của người dân khá cao, tỉ lệ biết chữ của người từ 15 tuổi trở lên đạt trên 99,4% (năm 2020). Liên bang Nga là một trong những quốc gia đứng hàng đầu thế giới về nghiên cứu khoa học cơ bản. Giáo dục, đào tạo được chú trọng phát triển với nhiều trường đại học danh tiếng, cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho nền kinh tế.

HDI của Liên bang Nga ở mức rất cao, năm 2020 là 0,830.

4. Đọc thông tin, hãy:

- Trình bày về một số đặc điểm xã hội nổi bật của Liên bang Nga.
- Phân tích tác động của đặc điểm xã hội đến phát triển kinh tế – Liên bang Nga.

1. Quan sát hình 19.1, hãy nhận xét sự phân bố địa hình của Liên bang Nga

2. Lập sơ đồ thể hiện những thuận lợi và khó khăn của dân cư Liên bang đối với phát triển kinh tế – xã hội.

3. Suy nghĩ và trình bày về các thành tựu trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa, khoa học kỹ thuật của Liên bang Nga.

2.2.4. Phân phối chương trình Địa lí 11 theo sách giáo khoa và sách chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều

2.2.4.1. Thời lượng

Toàn bộ thời lượng của môn Địa lí 10 là 105 tiết, trong đó có 70 tiết kiến thức cốt lõi và 35 tiết chuyên đề học tập.

Chương trình môn học đã có bảng gợi ý tỉ lệ phần trăm cho các mạch nội dung. Để thuận lợi cho GV và nhà trường triển khai việc dạy học, dựa trên kinh nghiệm dạy học những năm qua, có thể gợi ý một Khung kế hoạch dạy học môn Địa lí 11 (Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT) như sau:

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC: ĐỊA LÍ, KHỐI LỚP 11

(Năm học 2023 - 2024)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp

2. Tình hình đội ngũ

3. Thiết bị dạy học



4. Phòng học bộ môn

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

Số TT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
PHẦN 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI			
1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế xã hội của các nhóm nước	1	<ul style="list-style-type: none">- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người), cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người (HDI).- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế – xã hội của các nhóm nước.- Thu thập được tư liệu về kinh tế – xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế	2	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.- Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế.- Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá



			kinh tế đối với các nước trên thế giới.
3	Một số tổ chức khu vực và quốc tế	1	Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).
4	Thực hành: Tìm hiểu về toàn cầu hoá, khu vực hoá	1	– Suu tầm và hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá. – Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.
5	Một số vấn đề về an ninh toàn cầu	1	Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.
6	Thực hành: Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức	1	Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.
PHẦN 2. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA			
KHU VỰC MỸ LA-TINH		5	
7	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Mỹ La-tinh	4	– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội. – Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội.



			<ul style="list-style-type: none">– Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.– Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.– Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ La-tinh.
8	Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế xã hội ở Cộng hoà liên bang Braxin	1	Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế ở Cộng hoà Liên bang Bra-xin (Bra-xin) và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.
LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)		4	
9	EU Một liên kết khu vực lớn. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới	3	<ul style="list-style-type: none">– Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.– Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.– Vẽ được biểu đồ, nhận xét.– Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.
10	Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp của Cộng hoà liên bang Đức	1	Viết được báo cáo tìm hiểu về sự phát triển công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức.
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á		7	



11	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Đông Nam Á	4	<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội đến sự phát triển kinh tế – xã hội.– Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của Đông Nam Á.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
12	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2	<ul style="list-style-type: none">– So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá.– Phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.– Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.– Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực ASEAN.
13	Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động du lịch và kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á	1	Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.
KHU VỰC TÂY NAM Á		4	



14	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á	3	<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.– Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
15	Thực hành: Viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á	1	<ul style="list-style-type: none">– Viết được báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á.– Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á.
HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ		7	
16	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Hoa Kỳ	2	<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.– Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế – xã hội.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
17	Kinh tế Hoa Kỳ	4	<ul style="list-style-type: none">– Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới.– Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông



			<p>ngành, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ.</p> <p>– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.</p>
18	Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ	1	<p>– Vẽ được biểu đồ về kinh tế Hoa Kỳ.</p> <p>– Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ.</p>
LIÊN BANG NGA		6	
19	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Liên bang Nga	2	<p>– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.</p> <p>– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.</p> <p>– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi.</p>
20	Kinh tế Liên bang Nga	3	<p>Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế và đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế.</p>
21	Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga	1	<p>– Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.</p> <p>– Suu tầm, hệ thống hoá được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau.</p>



NHẬT BẢN		7	
22	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản	2	<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.– Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
23	Kinh tế Nhật Bản	4	<ul style="list-style-type: none">– Giải thích được tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.– Trình bày được sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế; so sánh được các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.– Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
24	Thực hành: Viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản	1	<ul style="list-style-type: none">– Viết được báo cáo truyền đạt những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.– Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.
CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)		7	
25	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội	2	<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh



	Trung Quốc		tế – xã hội. – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
26	Kinh tế Trung Quốc	4	– Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. – Trình bày được sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
27	Thực hành: Viết báo cáo về sự thay đổi của nền kinh tế Trung Quốc	1	– Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Trung Quốc. – Viết được báo cáo về những thay đổi trong GDP, trị giá xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải của Trung Quốc.
Ô-XTRÂY-LI-A		3	
28	Thực hành: Đọc bản đồ; phân tích số liệu, tư liệu và viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế Ô-xtrây-li-a	3	– Xác định được sự phân bố kinh tế trên bản đồ. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.



			<ul style="list-style-type: none">– Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Ô-xtrây-li-a.– Viết được báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a.
CỘNG HOÀ NAM PHI		5	
29	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Cộng hoà Nam Phi	2	<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế.– Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.
30	Kinh tế Cộng hoà Nam Phi	2	<ul style="list-style-type: none">– Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
31	Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác khoáng sản của Cộng hoà Nam Phi	1	<ul style="list-style-type: none">– Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Cộng hoà Nam Phi.– Phân tích được số liệu, tư liệu.

(Lưu ý: Số tiết của mỗi bài học ở trên chỉ mang tính dự kiến, có thể thay đổi linh hoạt phụ thuộc vào kế hoạch của từng nhà trường).

2. Chuyên đề lựa chọn

Số TT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á	15	<ul style="list-style-type: none">– Nêu được khái quát về lưu vực sông Mê Công.



			<ul style="list-style-type: none">– Trình bày được lí do ra đời, mục tiêu của Ủy hội sông Mê Công.– Giới thiệu được một số hoạt động của Ủy hội sông Mê Công.– Xác định được vai trò của Việt Nam trong Ủy hội sông Mê Công.– Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển giao thông vận tải, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông.
2	Một số vấn đề về du lịch thế giới	10	<ul style="list-style-type: none">– Chứng minh được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới; trình bày được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay. Liên hệ được với tài nguyên và hoạt động du lịch ở Việt Nam.– Trình bày được một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới. Liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam.– Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến du lịch.
3	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	10	<ul style="list-style-type: none">– Trình bày được quan niệm về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; so sánh được đặc điểm và nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với các cuộc cách mạng công nghiệp trước.



			<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được các tác động chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến phát triển kinh tế – xã hội trên toàn thế giới.– Nêu được một số xu hướng chính của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.– Vận dụng được hiểu biết về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào việc định hướng nghề nghiệp và liên hệ với việc học tập.
--	--	--	--

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần thứ 9 của năm học	<ul style="list-style-type: none">– Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người), cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người (HDI).– Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.– Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế – xã hội của các nhóm nước.– Thu thập được tư liệu về kinh tế – xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.– Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.– Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.	Bài kiểm tra trên giấy



			<ul style="list-style-type: none">– Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế.– Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội Mỹ La-tinh.– Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội Mỹ La-tinh.– Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Mỹ La-tinh.- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu về Mỹ La-tinh.- Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.– Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ La-tinh.– Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.	
--	--	--	---	--



			<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.– Phân tích được số liệu, tư liệu.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.– Vẽ được biểu đồ, nhận xét.– Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.	
Cuối Học kỳ I	45 phút	Tuần thứ 16 của năm học	<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội của Đông Nam Á.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội đến sự phát triển kinh tế – xã hội của Đông Nam Á.– Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của Đông Nam Á.– So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá.– Phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.– Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.	Bài kiểm tra trên giấy



			<ul style="list-style-type: none">– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội Tây Nam Á.– Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Tây Nam Á.– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội Hoa Kỳ.– Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế – xã hội Hoa Kỳ– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu về Hoa Kỳ.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần thứ 25 của năm học	<ul style="list-style-type: none">– Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới của Hoa Kỳ.– Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội Liên bang Nga.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội Liên bang Nga.	Bài kiểm tra trên giấy



			<ul style="list-style-type: none">– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi Liên bang Nga.– Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế và đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế Liên bang Nga.– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội Nhật Bản.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội Nhật Bản.– Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu Nhật Bản	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần thứ 33 của năm học	<ul style="list-style-type: none">– Giải thích được tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.– Trình bày được sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế Nhật Bản; so sánh được các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu về Nhật Bản.– Vẽ được biểu đồ, nhận xét.– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội Trung Quốc.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội Trung Quốc.	Bài kiểm tra trên giấy



			<ul style="list-style-type: none">– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu về Trung Quốc.– Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.– Trình bày được sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế Trung Quốc v.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu về Trung Quốc.– Vẽ được biểu đồ, nhận xét.– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế Cộng hoà Nam Phi.– Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội Cộng hoà Nam Phi.– Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế.– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.	
--	--	--	---	--

3. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11 CÁNH DIỀU VÀ SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA 11 CÁNH DIỀU (sau đây gọi chung là sách giáo khoa Địa 11 Cánh Diều)

3.1. Bám sát Chương trình Giáo dục phổ thông môn Địa lí (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Sách giáo khoa Địa lí 11 Cánh Diều cụ thể hoá sinh động Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (gọi tắt là Chương trình 2018) nhưng bám sát chương trình, cụ thể là:



3.1.1. Quán triệt mục tiêu, yêu cầu cần đạt vào mỗi bài học

Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của chương trình được thể hiện ở từng bài học cụ thể, viết dưới dạng “Học xong bài này, em sẽ...”. Các yêu cầu đó được đáp ứng bằng nội dung cụ thể trong bài và gợi ý về hoạt động dạy học thông qua hệ thống kênh hình, câu hỏi và bài tập trong bài; câu hỏi luyện tập, vận dụng ở sau mỗi bài.

Nội dung bài SGK bám sát cả về phạm vi và mức độ của yêu cầu cần đạt do chương trình quy định. Ví dụ ở bài Hoa Kỳ, có một yêu cầu cần đạt là: “Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới”, ở bài Nhật Bản có yêu cầu “Giải thích được tình hình phát triển kinh tế”, ở bài Trung Quốc có yêu cầu “phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế”... Đây là những yêu cầu ở mức cao đối với HS nhưng phạm vi ở mỗi quốc gia khác nhau. Sách Địa lí 11 Cánh Diều đã chọn các nguyên nhân chủ yếu phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia trên để giải thích, phân tích cụ thể một cách ngắn gọn và dễ hiểu.

Các bài thực hành của sách là nơi thể hiện tập trung yêu cầu cần đạt về năng lực sử dụng công cụ địa lí học (vẽ biểu đồ, đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu,...); khai thác Internet và các tài liệu khác trong khai thác, chọn lọc các thông tin cần thiết phục vụ bài học; phát triển năng lực viết báo cáo; trao đổi và thảo luận,...

3.1.2. Nội dung sách giáo khoa Địa lí 11 Cánh Diều theo sát nội dung Chương trình

Bảng 5. Đối chiếu nội dung giáo dục giữa Chương trình GDPT năm 2018 với phần kiến thức cốt lõi SGK Địa lí 11 Cánh Diều

Nội dung chương trình 2018	Nội dung sách giáo khoa Địa lí 11
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI	PHẦN 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI
Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước – Các nhóm nước – Sự khác biệt về kinh tế – xã hội	Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước



<p>Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu</p> <ul style="list-style-type: none">– Toàn cầu hoá kinh tế– Khu vực hoá kinh tế– Một số tổ chức khu vực và quốc tế– An ninh toàn cầu	<p>Bài 2. Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế</p> <p>Bài 3. Một số tổ chức khu vực và quốc tế</p> <p>Bài 4. Thực hành: Tìm hiểu về toàn cầu hoá, khu vực hoá</p> <p>Bài 5: Một số vấn đề về an ninh toàn cầu</p>
<p>Nền kinh tế tri thức</p> <ul style="list-style-type: none">– Đặc điểm– Các biểu hiện	<p>Bài 6. Thực hành: Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức</p>
<p>ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA</p>	<p>PHẦN 2. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA</p>
<p>Khu vực Mỹ La-tinh</p> <ul style="list-style-type: none">– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội – Kinh tế– Cộng hoà Liên bang Brasil (Bra-xin): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết	<p>Khu vực Mỹ La-tinh</p> <p>Bài 7. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Mỹ La-tinh</p> <p>Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế xã hội ở Cộng hoà liên bang Bra-xin</p>
<p>Liên minh châu Âu (EU)</p> <ul style="list-style-type: none">– Một liên kết kinh tế khu vực lớn– Vị thế của khu vực trong nền kinh tế thế giới– Cộng hoà Liên bang Đức: Công nghiệp	<p>Liên minh châu Âu (EU)</p> <p>Bài 9. EU – Một liên kết kinh tế khu vực lớn. Vị thế trong nền kinh tế thế giới</p> <p>Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp của Cộng hoà liên bang Đức</p>



<p>Khu vực Đông Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none">– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội– Kinh tế– Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)– Hoạt động kinh tế đối ngoại	<p>Khu vực Đông Nam Á</p> <p>Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Đông Nam Á</p> <p>Bài 12. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)</p> <p>Bài 13. Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động du lịch và kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á</p>
<p>Khu vực Tây Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none">– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội– Kinh tế– Vấn đề dầu mỏ	<p>Khu vực Tây Nam Á</p> <p>Bài 14. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á</p> <p>Bài 15. Thực hành: Viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á</p>
<p>Hợp chúng quốc Hoa Kỳ</p> <ul style="list-style-type: none">– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội– Kinh tế	<p>Hợp chúng quốc Hoa Kỳ</p> <p>Bài 16. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Hoa Kỳ</p> <p>Bài 17. Kinh tế Hoa Kỳ</p> <p>Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ</p>
<p>Liên bang Nga</p> <ul style="list-style-type: none">– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội– Kinh tế– Công nghiệp khai thác dầu khí	<p>Liên bang Nga</p> <p>Bài 19. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội Liên bang Nga</p> <p>Bài 20. Kinh tế Liên bang Nga</p> <p>Bài 21. Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga</p>



<p>Nhật Bản</p> <ul style="list-style-type: none">– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội – Kinh tế– Hoạt động kinh tế đối ngoại	<p>Nhật Bản</p> <p>Bài 22. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản</p> <p>Bài 23. Kinh tế Nhật Bản</p> <p>Bài 24. Thực hành: Viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản</p>
<p>Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)</p> <ul style="list-style-type: none">– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội– Kinh tế– Sự thay đổi của nền kinh tế	<p>Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)</p> <p>Bài 25. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc</p> <p>Bài 26. Kinh tế Trung Quốc</p> <p>Bài 27. Thực hành: Viết báo cáo về sự thay đổi của nền kinh tế Trung Quốc</p>
<p>Australia (Ô-xtrây-li-a)</p> <ul style="list-style-type: none">– Kinh tế	<p>Ô-xtrây-li-a</p> <p>Bài 28. Thực hành: Đọc bản đồ; phân tích số liệu, tư liệu và viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế ở Ô-xtrây-li-a</p>
<p>Cộng hoà Nam Phi</p> <ul style="list-style-type: none">– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội – Kinh tế	<p>Cộng hoà Nam Phi</p> <p>Bài 29. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội</p> <p>Bài 30. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi</p> <p>Bài 31. Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác khoáng sản của Cộng hoà Nam Phi</p>



Bảng 6. Đối chiếu nội dung giáo dục giữa Chương trình GDPT năm 2018 với phần Chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều

Nội dung chương trình 2018	Nội dung chuyên đề học tập Địa lí 11
CHUYÊN ĐỀ 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á	CHUYÊN ĐỀ 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á
1. Ủy hội sông Mê Công (MRC)	1. Lưu vực sông Mê Công 2. Ủy hội sông Mê Công (MRC)
2. Hợp tác hoà bình trong khai thác Biển Đông	3. Hợp tác hoà bình trong khai thác Biển Đông
CHUYÊN ĐỀ 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH THẾ GIỚI	CHUYÊN ĐỀ 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH THẾ GIỚI
1. Tài nguyên du lịch thế giới	1. Tài nguyên du lịch thế giới
2. Một số loại hình du lịch phổ biến và xu hướng phát triển du lịch trên thế giới hiện nay	2. Một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay 3. Xu hướng phát triển du lịch trên thế giới và định hướng phát triển du lịch Việt Nam
3. Định hướng nghề nghiệp	4. Định hướng ngành nghề liên quan đến du lịch
CHUYÊN ĐỀ 3. CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ (4.0)	CHUYÊN ĐỀ 3. CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ (4.0)
1. Nội dung chủ yếu	1. Quan niệm, đặc điểm, nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)
2. Tác động đến phát triển kinh tế – xã hội thế giới	2. Tác động chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến phát triển kinh tế – xã hội trên toàn thế giới



– Một số xu hướng chính của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.	3. Một số xu hướng chính của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư
– Định hướng nghề nghiệp và liên hệ với việc học tập.	4. Định hướng nghề nghiệp và liên hệ với việc học tập

3.2. Nội dung được chọn lựa đảm bảo tính thiết thực phục vụ phát triển năng lực

Các nội dung địa lí kinh tế xã hội thế giới ở SGK Địa lí 11 Cánh Diều được lựa chọn phù hợp với khoa học bộ môn, theo hướng thiết thực cho phát triển năng lực đặc thù. Ví dụ:

+ Ở mỗi quốc gia/ khu vực có hệ thống nội dung khá toàn diện; tuy nhiên, HS cần phát triển năng lực tư duy trừu tượng hoá, khái quát hoá để hiểu được đặc trưng khái quát của mỗi quốc gia về vị trí địa lí; tự nhiên; dân cư, xã hội; kinh tế. Do vậy, nội dung bài học của SGK không dàn trải, mà tập trung làm nổi bật các nét đặc trưng của mỗi quốc gia về từng lĩnh vực. Chẳng hạn, đối với Nhật Bản, nội dung bài học hướng sự chú ý vào các đặc trưng như: Nhật Bản là một quốc đảo nằm ở khu vực Đông Á. Đất nước này có ít tài nguyên khoáng sản; nhiều thiên tai (núi lửa, động đất, sóng thần, bão,...); số dân đông; cơ cấu dân số già;... Nền kinh tế phát triển qua nhiều giai đoạn với tốc độ tăng trưởng khác nhau và hiện nay là nền kinh tế có kĩ thuật, công nghệ và mức độ công nghiệp hoá cao. Hoặc khu vực Đông Nam Á: Đông Nam Á có vị trí địa lí chiến lược quan trọng, giàu tài nguyên thiên nhiên, dân cư đông với nguồn lao động dồi dào. Đây cũng là khu vực có nền văn hoá lâu đời, đa dạng và có nền kinh tế phát triển rất năng động.

+ Do đặc thù nội dung địa lí kinh tế xã hội thế giới nên SGK Địa lí 11 Cánh Diều đề cập đến nhiều số liệu thống kê kinh tế, dân cư, xã hội; sử dụng nhiều bản đồ, lược đồ để làm rõ sự phân bố; dùng nhiều sơ đồ để biểu hiện các mối liên hệ; khai thác thông tin từ Internet và nhiều nguồn khác nhau để cập nhật hoá kiến thức; liên hệ nhiều đến thực tiễn trong và ngoài nước,... Các bảng số liệu được chọn cho vẽ biểu đồ thể hiện chuyển dịch cơ cấu (biểu đồ miền), quy mô GDP và tốc độ tăng trưởng GDP (biểu đồ kết hợp cột và đường) là các loại biểu đồ phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực ở Địa lí 11. Các bản đồ trong SGK có cả bản đồ tự nhiên, dân cư, công nghiệp, nông nghiệp,... để giúp HS phát triển năng lực đọc các loại bản đồ,...

Các nội dung kiến thức về kinh tế xã hội thế giới rất phong phú, đa dạng, có nhiều nguồn khác nhau. Việc lựa chọn nội dung cụ thể của mỗi chủ đề/ mạch kiến thức đảm bảo tính khoa



học, chính xác, thực tiễn, thiết thực cho phục vụ việc phát triển các phẩm chất và năng lực chuyên môn đặc thù trong Địa lí 11. Ví dụ:

+ Hệ thống số liệu trong SGK được xác định có vai trò cụ thể hoá hoặc là cơ sở để rút ra các nhận xét về đặc điểm và dấu hiệu của sự vật, hiện tượng nên cần chọn lựa hệ thống số liệu phản ánh đúng xu hướng phát triển. Chẳng hạn, Đại dịch COVID-19 đã làm đứt gãy nền kinh tế thế giới, hầu hết các nước trên toàn thế giới có tăng trưởng kinh tế với giá trị âm vào năm 2020; số liệu cần phải thể hiện được điều đó bằng cách trong dãy số liệu các năm, chọn thêm năm 2019 hoặc năm 2021 bên cạnh số liệu năm 2020. Riêng đối với du lịch (là ngành bị thiệt hại nặng nề nhất) vào thời điểm viết SGK chưa có số liệu về du lịch năm 2021 nên chọn dãy số liệu, trong đó năm cuối là năm 2019, không lấy số liệu của năm 2020.

+ Thông tin thực tế về các quốc gia trên thế giới rất đa dạng và có ở nhiều nguồn khác nhau. Các nguồn tin cậy cần được ưu tiên hàng đầu (ví dụ nguồn của WB, UN, Niên giám thống kê Việt Nam, Niên giám thống kê của một số quốc gia,...).

+ Tư liệu về kinh tế xã hội cực kì phong phú, luôn biến động và nhiều thông tin có sự sai khác nhau giữa các nguồn. Để chọn đúng thông tin cần thiết, bên cạnh coi trọng các nguồn tin cậy, cần nắm vững xu hướng phát triển chung, bản chất của sự vật, hiện tượng kinh tế xã hội, các quy luật chung phát triển tự nhiên,...

3.3. Đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp và đề cao hoạt động trải nghiệm

Địa lí là một khoa học tổng hợp. Điều này càng thể hiện rõ ở địa lí kinh tế xã hội thế giới. Khai thác tính tổng hợp để định hướng nghề nghiệp cho HS được coi trọng trong SGK Địa lí 11 Cánh Diều. Thông qua các nội dung về các ngành kinh tế cụ thể (các ngành công nghiệp; các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; các ngành dịch vụ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng, thương mại, du lịch,...), SGK Địa lí 11 Cánh Diều giúp cho HS có cái nhìn toàn cảnh về ngành nghề trong cuộc sống và đặc điểm nổi bật của mỗi ngành, làm cơ sở cho việc định hướng nghề nghiệp. Các chuyên đề học tập Địa lí 11 Cánh Diều giúp thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp của chương trình.

Các hoạt động học tập được hướng dẫn/ gợi ý trong SGK Địa lí 11 như: trao đổi, thảo luận; khai thác, chọn lọc thông tin; viết báo cáo; đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu, vẽ biểu



đồ; viết bài giới thiệu về một đối tượng địa lí; đóng vai, thực địa,... tạo cơ hội và điều kiện để HS được trải nghiệm trong nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống.

3.4. Thể hiện cụ thể các quan điểm phát triển chương trình môn học

SGK Địa lí 11 Cánh Diều đã bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Một mặt, SGK căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi làm cơ sở và điểm xuất phát để lựa chọn các nội dung giáo dục; mặt khác, SGK giúp hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi cho học sinh thông qua việc hướng dẫn học sinh tiếp thu và vận dụng nội dung địa lí kinh tế xã hội vào thực tiễn.

SGK Địa lí 11 Cánh Diều bảo đảm kết nối giữa các lớp học, cấp học; đặc biệt với lớp 7 (Địa lí các châu lục) và lớp 10 (Địa lí đại cương). Nội dung SGK Địa lí 11 Cánh Diều có sự phù hợp về thuật ngữ, địa danh, sự phân chia khu vực,... với phần Địa lí lớp 7 Cánh Diều. Các khái niệm, thuật ngữ, đặc điểm chung,... ở bài khu vực/ quốc gia của SGK Địa lí 11 có sự thống nhất với nội dung đại cương ở Địa lí 10 Cánh Diều.

SGK Địa lí 11 Cánh Diều bảo đảm tính kế thừa, hiện đại: SGK Địa lí 11 Cánh Diều kế thừa phát huy ưu điểm của những SGK đã có, nhất là SGK Địa lí 11 theo chương trình 2006; tiếp thu kinh nghiệm phát triển chương trình môn học của các nước có nền giáo dục tiên tiến, tiếp cận với những thành tựu của khoa học kỹ thuật hiện đại; phù hợp với thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện và khả năng học tập của học sinh ở các vùng, miền khác nhau.

SGK Địa lí 11 Cánh Diều chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng

+ SGK Địa lí 11 Cánh Diều chú trọng tích hợp, thực hành, gắn nội dung giáo dục của môn học với thực tiễn nhằm rèn luyện cho học sinh kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí vào việc tìm hiểu và giải quyết ở mức độ nhất định một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống.

+ SGK Địa lí 11 Cánh Diều xác định thực hành, luyện tập, vận dụng là nội dung quan trọng, đồng thời là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực của HS. Ngoài nhiệm vụ sau mỗi bài học, SGK Địa lí 11 còn có nhiều bài thực hành góp phần phát triển các năng lực đặc thù của môn học một cách có hiệu quả.

SGK Địa lí 11 Cánh Diều được biên soạn theo hướng mở

+ Trên cơ sở bảo đảm định hướng, yêu cầu cần đạt và những nội dung giáo dục cốt lõi của chương trình, SGK Địa lí 11 Cánh Diều chú trọng tính chất vùng miền với các nội dung phù hợp và đa dạng.



+ Nhiều nội dung ở SGK, đặc biệt ở phần luyện tập, vận dụng và các bài thực hành được biên soạn theo hướng khái quát, không quá chi tiết, có sự gợi ý/ hướng dẫn, tạo điều kiện cho học sinh chủ động, sáng tạo thực hiện các nhiệm vụ trong điều kiện cụ thể của các cơ sở giáo dục và địa phương.

4. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11 CÁNH DIỀU

4.1. Tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực

Về kiến thức: Chú trọng các kiến thức có tính thực tiễn, thiết thực, hiện đại và hệ thống làm cơ sở để phát triển năng lực nhận thức khoa học và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Ví dụ: các kiến thức về chiến lược/ giải pháp/ biện pháp phát triển kinh tế ở các quốc gia, khu vực; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, công nghệ hoá,...; sự thay đổi phân bố sản xuất theo lãnh thổ; đề cập đến các ngành viễn thông, tài chính, ngân hàng, du lịch, nội thương,...

Về phương pháp: Tăng cường kênh hình (bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu, bảng kiến thức, tranh ảnh,...); xây dựng nhiều tình huống có vấn đề/ nhiệm vụ học tập để làm cơ sở cho học sinh hoạt động học tập theo hướng tích cực, chủ động, sáng tạo, góp phần phát triển năng lực tìm hiểu địa lí và các năng lực chung: tự chủ, tự học, giao tiếp và hợp tác,...

4.2. Đảm bảo tính kế thừa và hiện đại

Sách giáo khoa Địa lí 11 kế thừa những ưu điểm của SGK Địa lí hiện hành theo chương trình năm 2006 và các sách giáo khoa trước đó, nhất là hệ thống bài học và kiến thức cơ bản, tránh các đứt gãy về mạch kiến thức gây khó khăn cho việc dạy học của giáo viên. Ví dụ: Ở phần Địa lí các khu vực và quốc gia, SGK Địa lí 11 Cánh Diều cũng đề cập đến 9 khu vực hoặc quốc gia đã được đề cập đến ở chương trình năm 2000, chỉ có một quốc gia đưa vào mới thuộc châu Phi là Cộng hoà Nam Phi.

Tính hiện đại của SGK Địa lí 11 thể hiện ở việc chú trọng cập nhật các kiến thức khoa học, phản ánh đúng bản chất sự vật, hiện tượng và quy luật phát triển khách quan. Các vấn đề được đưa vào sách như: an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá, các công nghệ hiện đại, nền kinh tế tri thức,... luôn gắn bó thường xuyên và tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế xã hội và toàn thể nhân loại nói chung. Tính hiện đại còn được thể hiện rõ ở hệ thống số liệu được chọn lựa để phản ánh đúng xu hướng thay đổi của sự vật hiện tượng. Hầu hết các bảng số liệu trong SGK đều phản ánh sự phát triển của một giai đoạn gồm nhiều năm, cho đến năm 2020 hoặc 2021.



4.3. Tạo cơ sở cho giáo viên và học sinh đổi mới dạy và học

Thông qua hệ thống kiến thức và phương pháp theo định hướng phát triển năng lực, SGK Địa 11 Cánh Diều tạo điều kiện và cơ hội cho giáo viên tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ HS hoạt động học tập (nhận thức, khám phá, luyện tập, vận dụng,...); tạo thuận lợi cho HS hoạt động tích cực theo các hình thức cá nhân, nhóm cặp (2 em), nhóm nhỏ (6 – 8 em) với các công cụ địa lí học.

Tính vận dụng, thực hành trong SGK Địa 11 Cánh Diều được chú trọng ở tất cả các bài. Nhiệm vụ luyện tập ở mỗi bài học yêu cầu HS phải căn cứ vào kiến thức đã học để lập bảng, hoàn thành bảng, lập sơ đồ, vẽ biểu đồ, phân tích bảng số liệu, đọc bản đồ, đọc thông tin SGK và tóm tắt,... Nhiệm vụ vận dụng yêu cầu HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn, cập nhật và liên hệ thực tế; khai thác Internet và các tài liệu, tư liệu để thu thập, hệ thống hoá và trình bày thông tin. Trong nhiều trường hợp, học sinh được yêu cầu viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một đối tượng địa lí thế giới,...

Sách giáo khoa Địa lí 11 Cánh Diều có 12 bài thực hành (chiếm 38,7% tổng số bài), với loại hình đa dạng: thu thập thông tin và trình bày, trao đổi, thảo luận; vẽ biểu đồ và nhận xét, giải thích; từ bảng số liệu và thông tin thu thập được viết đoạn văn ngắn giới thiệu. Đặc biệt có nhiều bài về viết báo cáo, là một trong loại hình có tính đặc thù cho môn Địa lí kinh tế xã hội thế giới.

4.4. Chú trọng tích hợp

Nội dung Địa lí 11 Cánh Diều đề cập đến việc đánh giá tác động của yếu tố/ thành phần này đến yếu tố/ thành phần khác; ví dụ đánh giá tác động của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế xã hội; đánh giá tác động của dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế xã hội,... Các mối quan hệ trong Địa lí kinh tế xã hội thế giới còn diễn ra trong mỗi thành phần tự nhiên, dân cư, xã hội, các ngành kinh tế,...; ví dụ: thương mại điện tử phát triển tác động mạnh mẽ đến phát triển nội thương; công nghiệp năng lượng phát triển làm cơ sở cho các ngành kinh tế phát triển; ngoại thương trở thành động lực cho nhiều ngành kinh tế,... Hầu như ở mỗi chủ đề, mỗi bài học đều thể hiện nổi bật tính tích hợp trong nội dung địa lí.

Ngoài ra, để giải thích quá trình phát triển kinh tế một quốc gia/ khu vực cần có một số hiểu biết nhất định về lịch sử, xã hội, văn hoá,... ; để vẽ được biểu đồ cơ cấu cần có các phép



tính chuyên đổi số liệu; đề khai thác, xây dựng báo cáo và truyền đạt cần có kỹ năng về công nghệ thông tin,... Việc sử dụng kiến thức và kỹ năng của các môn học/ khoa học khác trong SGK Địa lí 11 Cánh Diều thể hiện tính tích hợp giữa môn Địa lí 11 với các môn học khác.

4.5. Đổi mới về hình thức và cách trình bày

Hình thức của SGK Địa lí 11 Cánh Diều có nhiều ưu thế vượt trội so với các SGK hiện hành và trước đó. Điều này thể hiện rất rõ ở cả kênh chữ, kênh hình và cấu trúc sách.

Cách trình bày của sách cũng có tính hệ thống. Đối với mỗi bài học, ngoài yêu cầu cần đạt được đóng khung là lần lượt 3 phần có liên hệ mật thiết với nhau: Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập và vận dụng. Trong mỗi bài địa lí khu vực/ quốc gia đều có các phần: Vị trí địa lí, Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; Dân cư, xã hội; Kinh tế (tình hình chung, các ngành). Trong mỗi ngành, có các phân ngành cụ thể; ví dụ: Trong ngành nông nghiệp có nông nghiệp gồm trồng trọt và chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản; trong ngành dịch vụ có: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch, thương mại, tài chính ngân hàng.

5. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC ĐỊA LÍ LỚP 11

5.1. Định hướng chung phương pháp giáo dục Địa lí lớp 11

5.1.1. Dạy học thông qua hoạt động, bằng hoạt động và trong hoạt động. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích, tạo môi trường học tập thân thiện cho HS. Học sinh học tập chủ động, tích cực, sáng tạo, tập trung phát triển phẩm chất và năng lực, đặc biệt là năng lực tự củ, tự học.

5.1.2. Gắn bài học địa lí kinh tế xã hội thế giới với thực tiễn địa phương, đất nước, thế giới; vận dụng kiến thức vào việc nhận thức các vấn đề về kinh tế xã hội, tài nguyên và môi trường tại địa phương; thu thập, cập nhật thông tin làm rõ kiến thức bài học,... Từ đó phát triển nhận thức, kỹ năng, hình thành phẩm chất, năng lực đặc thù và năng lực chung.

Trong quá trình hướng dẫn HS khai thác kiến thức về địa lí một khu vực/ quốc gia, GV cần chú trọng:

Hướng HS vào nhận thức, tìm hiểu làm rõ các đặc trưng về vị trí địa lí, lãnh thổ; điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư và xã hội, kinh tế. Trên cơ sở nhận thức, tìm hiểu toàn diện một lãnh thổ, cần chú trọng làm nổi bật các đặc trưng của lãnh thổ đó, phân biệt rõ rệt các lãnh thổ với nhau.



Các khu vực và quốc gia được đưa vào chương trình và cụ thể hoá ở SGK có tính đại diện cho nhóm nước phát triển và đang phát triển, đại diện cho các châu lục, khu vực,... Trong quá trình nhận thức, tìm hiểu, GV cần tạo điều kiện và khuyến khích HS liên hệ với các quốc gia khác cùng nhóm nước hoặc cùng châu lục, khu vực,... để HS có nhận thức rõ hơn về sự phân hoá các quốc gia, khu vực, lãnh thổ nói chung.

Số liệu ở SGK Địa lí 11 Cánh Diều chỉ được cập nhật đến năm 2020 hoặc 2021. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, SGK không thường xuyên cập nhật số liệu theo năm. Do đó, trong quá trình dạy học, GV cần cập nhật số liệu mới. Tuy nhiên, với ý nghĩa chỉ là cơ sở để rút ra nhận xét hoặc dùng để minh hoạ; số liệu không phải là kiến thức cơ bản, nêu rõ bản chất của đối tượng địa lí nên các số liệu cập nhật cần đảm bảo tính hệ thống và phản ánh đúng xu hướng phát triển của sự vật, hiện tượng địa lí. Các số liệu không phản ánh đúng xu hướng vận động, phát triển của đối tượng địa lí, dù cập nhật cũng không nên đưa vào SGK.

Kinh tế xã hội thế giới có nhiều biến động theo thời gian và không gian gây khó khăn cho việc nhận thức, tìm hiểu địa lí kinh tế xã hội thế giới. Nhiều vấn đề về kinh tế xã hội của thế giới hoặc của các khu vực/ quốc gia chịu sự chi phối của yếu tố địa chính trị và nhiều yếu tố khác, đòi hỏi phải có nhận thức, tìm hiểu theo thế giới quan khoa học và nhân sinh quan tiến bộ. Việc cập nhật các thông tin và cách xử lí của giáo viên có tác động rất nhiều đến HS trong bài học Địa lí lớp 11.

5.1.3. Đa dạng hoá các phương pháp dạy học; trong đó chú trọng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ động, tích cực của học sinh và các phương pháp đặc trưng của bộ môn Địa lí như: sử dụng bản đồ, sơ đồ, số liệu thống kê, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình,...

5.1.4. Thực hiện các hình thức tổ chức dạy học một cách đa dạng và linh hoạt, kết hợp các hình thức dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm, dạy học theo lớp; sâu tằm, hệ thống hoá thông tin, trưng bày, giới thiệu, triển lãm, trò chơi học tập,...; kết hợp học trên lớp với học ngoài lớp, thực địa; học tại các cơ sở kinh tế hoặc khu dân cư tại địa phương,...

5.1.6. Tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện để học sinh tìm tòi, khám phá, khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí. Khuyến khích, tạo điều kiện, xây dựng môi trường học tập thuận lợi cho học sinh khai thác thông tin từ Internet để phục vụ học tập; rèn luyện cho học sinh kĩ năng xử lí, trình bày thông tin địa lí bằng công nghệ thông tin và truyền thông,...; tăng cường tự làm các thiết bị dạy học với việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (lập các trang website học tập, xây dựng hệ thống bài học, bài tập, thực hành, bài kiểm



tra bằng các phần mềm thông dụng và thích hợp, xây dựng các video clip giới thiệu sự vật, hiện tượng địa lí,...).

5.2. Định hướng chung đánh giá kết quả giáo dục Địa lí lớp 11

5.2.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

5.2.2. Yêu cầu đánh giá

- Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.
- Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.

5.2.3. Hình thức đánh giá

Theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021, môn Địa lí là một trong các môn học ở THPT được thực hiện đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số.

- Đánh giá thường xuyên:
 - + Môn Địa lí có số tiết một năm học là 70 nên có 3 số điểm đánh giá thường xuyên trong một năm học.
 - + Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết (bài báo cáo, bài giới thiệu, bài trình bày về một đối tượng địa lí, bài trưng bày sản phẩm, kết quả đọc bản đồ, kết quả phân tích bảng số liệu,...), thuyết trình, vẽ biểu đồ, tóm tắt kiến thức, lập sơ đồ, hoàn thành bảng kiến thức,...), sản phẩm học tập (kết quả thực địa, kết quả tìm hiểu hoặc khảo sát địa phương, kết quả thu thập tư liệu từ internet và các tài liệu tham khảo khác),...

- Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì.



+ Trong mỗi học kì, tương tự một số môn học khác, môn Địa lí có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì.

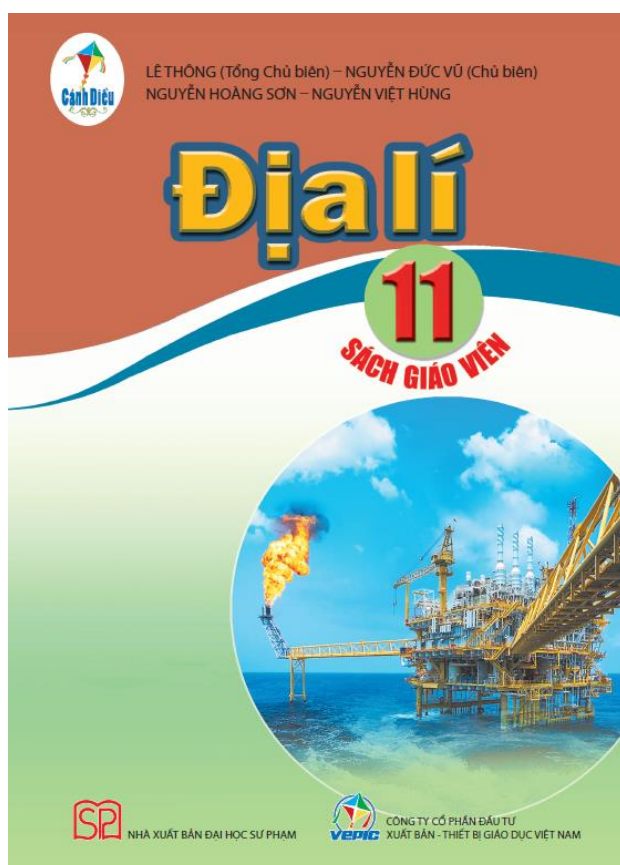
+ Đánh giá định kì được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập. Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn Địa lí 11 (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) là 45 phút.

– Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

– Đối với bài thực hành, dự án học tập (trên giấy hoặc trên máy tính) cần phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

6. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ

6.1. Sách giáo viên



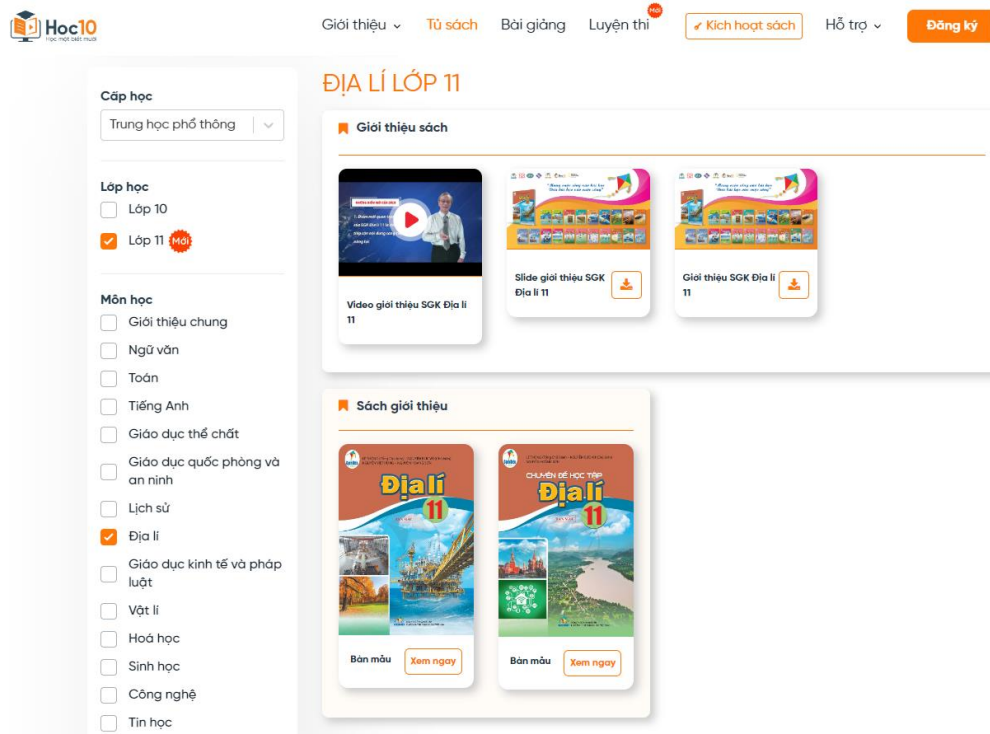
Sách GV dùng cho GV tham khảo trong dạy học. Dựa vào sách học sinh, SGK tập trung chủ yếu và các nội dung:

– Gợi ý cách thức tổ chức các hoạt động dạy học.

– Gợi ý làm rõ các câu hỏi, bài tập trong SGK.

Gợi ý một số nội dung khó và cách thức khai thác nội dung.

6.2. Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh hoạ tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...).



Bên cạnh sách giấy (SGK, SGV,..), bộ sách Cánh Diều còn có phiên bản điện tử và nhiều học liệu điện tử sinh động đi kèm để hỗ trợ quá trình giảng dạy – học tập của GV và HS như sau:

- Sách giáo khoa Địa lí 11.
- Sách giáo viên Địa lí 11.
- Tài liệu hỗ trợ tập huấn (Phân phối chương trình, kế hoạch bài dạy, video minh hoạ tiết dạy tham khảo,...).
- Học liệu điện tử
- Bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...

Các nguồn tài nguyên sách bổ trợ, sách tham khảo đi kèm SGK Địa lí 11 này cũng được biên soạn bám sát yêu cầu cần đạt của nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Các tài liệu này là phương tiện hỗ trợ hiệu quả cho GV trong việc biên soạn, thiết kế các phương án dạy học phù hợp, hướng đến rèn luyện năng lực, phẩm chất cho HS. GV, phụ huynh HS và HS có thể GV, phụ huynh cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử trên trang: <https://hoc10.vn/>



PHẦN B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ
BÀI 11. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,
DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Tiết 1. Tìm hiểu về vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên khu vực Đông Nam Á

I. MỤC TIÊU

Học xong bài học này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.

2. Về năng lực

a) Năng lực chung:

Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS thực hiện được nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với các bạn khác trong lớp.

b) Năng lực địa lí

- Sử dụng các công cụ Địa lí học: sử dụng bản đồ.
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, nhân ái.
- Chăm chỉ học tập, có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với GV

- Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á, một số tranh tự tạo.
- Video clip giới thiệu khái quát vị trí địa lí khu vực Đông Nam Á.
- Máy tính, máy chiếu.

2. Đối với HS

- Sách giáo khoa Địa 11 Cánh Diều



- Giấy tờ, bút dạ màu, dụng cụ học tập.
- Một số hình ảnh về tự nhiên khu vực Đông Nam Á.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu, xác định vấn đề học tập (3 phút)

- Mục tiêu:* Giúp học sinh (HS) xác định được vấn đề cần giải quyết trong bài học.
- Nội dung:* HS vận dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi liên quan đến tự nhiên, dân cư và xã hội, kinh tế khu vực Đông Nam Á.
- Sản phẩm:* Các câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:*

– Bước 1: GV dùng kỹ thuật “động não” yêu cầu HS dựa vào hiểu biết của mình nêu ý kiến về các câu hỏi sau:

- + Đông Nam Á bao gồm những quốc gia nào?
- + Nước nào ở Đông Nam Á có lãnh thổ vừa ở trên đất liền, vừa ở trên đảo?

– Bước 2: HS nêu ý kiến trả lời câu hỏi (có thể không chính xác hoặc thậm chí không đúng).

– Bước 3: GV thống kê các nhóm ý kiến HS, dẫn dắt vào bài học: Đông Nam Á gồm 11 quốc gia, là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng, giàu tài nguyên thiên nhiên, dân cư đông với nguồn lao động dồi dào. Đây cũng là khu vực có nền văn hoá lâu đời, đa dạng và có nền kinh tế phát triển rất năng động. Vậy những đặc điểm đó có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế – xã hội của khu vực, chúng ta cùng tìm hiểu trong bài hôm nay – Bài 11. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Đông Nam Á – Tiết 1: Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.

2. Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á (10 phút)

*** Nhiệm vụ 1: Nêu vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á**

- Mục tiêu:* HS nêu được đặc điểm vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.



b) *Nội dung*: HS đọc thông tin SGK và quan sát hình 11.1 nêu đặc điểm vị trí địa lí và lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á. (Trước khi HS làm việc với SGK, GV cho HS xem video clip giới thiệu về khu vực Đông Nam Á để tạo biểu tượng chung về khu vực).

c) *Sản phẩm*: Nội dung trình bày của HS về đặc điểm vị trí địa lí và lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.

d) *Tổ chức thực hiện*:

– GV yêu cầu HS (theo cặp đôi) đọc thông tin SGK và quan sát hình 11.1, xác định hai khu vực Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo; nêu đặc điểm vị trí địa lí và lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.

– Một số đại diện nhóm đôi trình bày kết quả làm việc trước lớp. Toàn lớp trao đổi, bổ sung,... GV kết luận các nội dung cần thiết, chuẩn hoá kiến thức:

+ Vị trí địa lí:

- Nằm ở đông nam châu Á.
- Ở từ khoảng vĩ độ 28°B đến khoảng vĩ độ 10°N, phần lớn trong khu vực nội chí tuyến và khu vực hoạt động của gió mùa.
- Ở nơi tiếp giáp của Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, giữa khu vực Nam Á và Đông Á, nối lục địa Á - Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a; có eo biển Ma-lắc-ca.

+ Lãnh thổ:

- Diện tích khoảng 4,5 triệu km².
- Bao gồm 11 quốc gia thuộc Đông Nam Á lục địa (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Mi-an-ma) và Đông Nam Á hải đảo (Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Phi-lip-pin và Ti-mo Lét-xtê).
- Ngoài phần đất, Đông Nam Á còn có vùng biển rộng.

*** Nhiệm vụ 2: Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến sự phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á**

a) *Mục tiêu*: Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

b) *Nội dung*: HS (theo nhóm nhỏ) phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến sự phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

c) *Sản phẩm*: Nội dung trình bày của HS.



d) Tổ chức thực hiện:

– GV chia lớp thành các nhóm nhỏ. Yêu cầu các nhóm cùng thực hiện chung một nhiệm vụ: Đọc thông tin SGK và quan sát hình 11.1, kết hợp với kết quả ở việc thực hiện nhiệm vụ 1, phân tích những ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của Đông Nam Á.

– HS làm việc nhóm, trả lời câu hỏi. Sau đó, một số đại diện nhóm báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận toàn lớp.

– GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, nhận xét câu trả lời, chuẩn hoá và mở rộng kiến thức:

+ Thuận lợi:

- Giao thương, phát triển các ngành kinh tế.
- Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển.
- Có nền văn hoá đa dạng, giàu bản sắc.

+ Khó khăn: Có nhiều thiên tai như động đất, núi lửa, sóng thần, bão, sạt lở đất,...

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên khu vực Đông Nam Á (25 phút)

a) Mục tiêu: Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

b) Nội dung: HS (theo nhóm) phân tích ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

– Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV chia lớp thành các 6 nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho các nhóm (có thể giao nhiệm vụ bằng hình thức cho đại diện nhóm bốc thăm).

+ Nhóm 1 và 2: Đọc thông tin và quan sát hình 11.1, hãy:

- Nêu đặc điểm địa hình, đất và khoáng sản của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của địa hình, đất và khoáng sản của khu vực Đông Nam Á đến sự phát triển kinh tế – xã hội.



MANG CUỘC SỐNG VÀO BÀI HỌC – ĐƯA BÀI HỌC VÀO CUỘC SỐNG

+ Nhóm 3, 4: Đọc thông tin và quan sát hình 11.1, hãy:

- Nêu đặc điểm sông, hồ và biển của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của sông, hồ và biển của khu vực Đông Nam Á đến sự phát triển kinh tế – xã hội.

+ Nhóm 5, 6: Đọc thông tin và quan sát hình 11.1, hãy:

- Nêu đặc điểm khí hậu, sinh vật của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của khí hậu, sinh vật của khu vực Đông Nam Á đến sự phát triển kinh tế – xã hội.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ HS (theo nhóm nhỏ) đọc thông tin và quan sát hình 11.1 SGK, trao đổi, nêu đặc điểm và phân tích ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội của tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đã phân công theo nhóm.

+ Các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ thành báo cáo, với hình thức có thể khác nhau như: thiết kế poster, đóng vai, làm phóng sự, tổ chức một trò chơi,...).

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS khi cần.

– Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

+ Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm làm việc của nhóm. Thời gian trình bày của mỗi nhóm tối đa 5 phút. Điểm tối đa 10 điểm.

+ Sau khi kết thúc phần báo cáo, HS các nhóm khác nhận xét, trao đổi, bổ sung.

+ Các nhóm đánh giá sản phẩm của các nhóm còn lại bằng phiếu đánh giá (theo tiêu chí GV đưa ra).

– Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, nhận xét; đánh giá ưu, nhược điểm của các nhóm và chốt kiến thức:

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
---	-----------------	--



<p>Địa hình, đất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình: Đa dạng: đồi núi, đồng bằng, bờ biển. + Đồi núi chiếm diện tích lớn. ĐNA lục địa: nhiều dãy núi cao, cao nguyên rộng. ĐNA hải đảo: nhiều đồi núi thấp, núi lửa. + Đồng bằng: châu thổ lớn (I-ra-oa-đi, Mê Công,...); đồng bằng ven biển. + Bờ biển: nhiều vũng, vịnh, đầm phá, bãi cát,... - Đất: Ở đồi núi chủ yếu là đất feralit, ở đồng bằng châu thổ là đất phù sa màu mỡ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi: + Khu vực đồi núi: Trồng cây công nghiệp, phát triển rừng chăn nuôi gia súc, phát triển du lịch,... + Khu vực đồng bằng: Trồng lúa nước, cây hàng năm, phát triển giao thông,... - Khó khăn: + Vùng núi cao: trở ngại giao thông. + Vùng trũng thấp: ngập úng vào mùa mưa, thủy triều tác động,...
<p>Khí hậu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân hoá đa dạng với nhiệt đới gió mùa, xích đạo, cận xích đạo. - Nhiệt độ cao quanh năm, lượng mưa và độ ẩm lớn. - Phía bắc của Mi-an-ma và Việt Nam có mùa đông lạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi: + Phát triển nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng sản phẩm. + Rừng nhiệt đới phát triển quanh năm. - Khó khăn: Có các thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán,...
<p>Sông, hồ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mạng lưới dày đặc, sông nhiều nước và giàu phù sa, chế độ nước theo mùa. - Các sông lớn tập trung ở lục địa: Mê Công, Mê Nam, Hồng,... - Nhiều hồ, quan trọng nhất là Biển Hồ (Cam-pu-chia). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi: + Phát triển giao thông, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, cung cấp nước, phát triển du lịch, thủy điện. + Hồ điều tiết nước, góp phần hạn chế lũ lụt. - Khó khăn: Thường xuyên gây lũ lụt vào mùa mưa.
<p>Biển</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng biển rộng, nhiều ngư trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi:



MANG CUỘC SỐNG VÀO BÀI HỌC – ĐƯA BÀI HỌC VÀO CUỘC SỐNG

	<p>lớn, có nguồn khoáng sản và sinh vật biển phong phú.</p> <p>- Bờ biển dài, nhiều bãi biển đẹp,...</p>	<p>+ Phát triển giao thông đường biển, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, khai thác khoáng sản.</p> <p>+ Cung cấp năng lượng từ sức gió, thủy triều.</p> <p>- Khó khăn: về bảo vệ môi trường biển.</p>
Sinh vật	<p>- Phong phú, đa dạng</p> <p>- Diện tích rừng lớn, chủ yếu rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới ẩm.</p> <p>- Đa dạng sinh học cao, thành phần loài đa dạng, nhiều cây gỗ quý và nhiều loài động vật.</p>	<p>- Thuận lợi:</p> <p>+ Khai thác và chế biến lâm sản; phát triển du lịch.</p> <p>+ Rừng ngập mặn ven biển phát triển nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Khó khăn: về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p>
Khoáng sản	<p>- Đa dạng: sắt, ni-ken, đồng, thiếc, than, chì, dầu mỏ, khí tự nhiên,...</p> <p>- Nhiều khoáng sản giá trị lớn: thiếc, đồng, dầu mỏ, khí đốt, than,...</p>	<p>- Cung cấp nguyên, nhiên liệu cho các ngành công nghiệp.</p> <p>- Là mặt hàng xuất khẩu của nhiều nước.</p>

+ GV giao phiếu đánh giá sản phẩm và hướng dẫn HS đánh giá nhóm mình và đánh giá chéo. Phiếu chấm sẽ thu lại và tổng hợp vào cuối giờ.

PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí	Biểu hiện	Điểm	Nhóm	Nhóm	Nhóm
		
Nội dung	<p>- Đúng đủ nội dung.</p> <p>- Hình ảnh, tư liệu minh họa phù hợp.</p>	5,0			
Hình thức	<p>- Bố cục sản phẩm hài hòa.</p> <p>- Sản phẩm trình bày sáng tạo.</p>	2,0			



Người báo cáo	– Ngôn ngữ nói lưu loát, có điểm nhấn. – Tương tác tốt khi trình bày. – Đặt câu hỏi/ trả lời thuyết phục.	3,0			
Tổng		10,0			

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

a) *Mục tiêu:* HS khái quát được những điểm chính của bài học và chia sẻ được những điều thú vị mình đã học được qua bài học và những điều chưa biết, mong muốn được khám phá.

b) *Nội dung:* HS (thông qua trò chơi “Tìm từ khoá” và góc chia sẻ), khái quát hoá một số thuận lợi chủ yếu của tự nhiên và tài nguyên khu vực Đông Nam Á đối với phát triển kinh tế - xã hội và chia sẻ những điều thú vị của mình về bài học.

c) *Sản phẩm:* Tranh dán các phiếu từ khoá, phiếu “Góc chia sẻ”.

d) *Tổ chức thực hiện:*

* Trò chơi “Tìm từ khoá”

– HS làm việc theo nhóm lựa chọn phiếu từ khoá phù hợp với yêu cầu của nhóm mình và dán lên poster A0 của nhóm bạn (nhóm 1 dán lên tranh của nhóm 2, nhóm 2 dán lên tranh nhóm 3, nhóm 3 dán lên tranh nhóm 1).

– HS làm việc cá nhân viết điều mình muốn chia sẻ vào phiếu “Góc chia sẻ”.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV công bố thể lệ chơi: Mỗi nhóm được giao một tranh (poster của nhóm bạn) và bộ từ khoá gồm 15 bông hoa. Trong vòng 1 phút các nhóm phải lựa chọn ra 5 từ khoá phù hợp với poster mà nhóm mình được nhận rồi lần lượt cử người lên dán các từ khoá đó (khi lên dán xong một bông hoa thì bạn khác mới được lên gián tiếp). Mỗi một bông hoa chính xác các bạn được 2 điểm. Nhóm nào dán đúng và nhanh nhất là thắng cuộc.

+ Bộ từ khoá: Ở mỗi nhóm, GV chọn ra 5 từ khoá thích hợp với cơ sở và 10 từ khoá gây nhiễu trong bộ từ khoá dưới đây:

- Đồi núi, màu mỡ, chăn nuôi, thủy triều, xuất khẩu.
- Dày đặc, theo mùa, thủy điện, ngư trường, hải cảng.

- Gió mùa, nóng ẩm, rừng mưa, bão, mùa đông.
- Bước 2: HS xác định và thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành.
- Bước 3: GV tổ chức báo cáo và kết luận, cho điểm nhóm làm tốt.

* “Góc chia sẻ”

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chuyển giao nhiệm vụ: Các bạn nhận phiếu “Góc chia sẻ” và làm việc cá nhân trong 2 phút, ghi ra những điều mình muốn chia sẻ về tiết học này.

| GÓC CHIA SẺ
VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ
NHIÊN KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

3 ĐIỀU HỌC ĐƯỢC

.....

.....

.....

1 THÔNGIỆP

.....

.....

.....

1 CÂU HỎI

.....

.....

.....

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: GV mời đại diện 1 HS chia sẻ ý kiến.
- Bước 4: GV nhận xét và kết luận. GV tổng kết tiết học, trao phần thưởng cho nhóm thuyết trình tốt nhất.



4. Hoạt động vận dụng (2 phút)

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học.

b) *Nội dung:*

GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu về một địa điểm du lịch ở Đông Nam Á và giới thiệu địa điểm này với bạn bè.

c) *Sản phẩm:* Bài làm của HS.

d) *Tổ chức thực hiện:* GV giao nhiệm vụ về nhà và yêu cầu HS nộp lại để chấm chữa vào giờ học tiếp theo.



PHẦN C. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Việc xây dựng bài kiểm tra đánh giá của môn Địa lí 11 trên cơ sở ma trận và đặc tả của đề kiểm tra, cần chú trọng đến việc biên soạn các câu hỏi/ bài tập/nhiệm vụ,... vận dụng kiến thức vào thực tiễn, vào tình huống học tập mới, đề cao việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong môi trường tự nhiên và kinh tế – xã hội, bên cạnh nhằm đánh giá về hệ thống kiến thức, kĩ năng địa lí. Thông qua đó, thực hiện được việc đánh giá các năng lực địa lí của HS. Sau đây, nhóm tác giả giới thiệu một số dạng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục Địa lí lớp 11 theo định hướng năng lực.

1. GỢI Ý MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1.1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

1.1.1. Ví dụ

Câu 1. Dựa theo trình độ phát triển kinh tế, các nước trên thế giới được phân chia theo các chỉ tiêu:

- A. GNI/người, cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người.
- B. GDP/người, các ngành kinh tế và mức thu nhập đầu người.
- C. GNI, cơ cấu kinh tế và trình độ dân trí, tuổi thọ bình quân.
- D. GDP, các ngành kinh tế và thành tựu về nâng cao sức khoẻ.

1.1.2. Đặc điểm câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn có cấu trúc gồm phần dẫn là một câu dẫn và 04 phương án lựa chọn, trong đó có 01 phương án là đáp án của câu hỏi.

Phần dẫn

+ Là câu phát biểu căn bản, gọi là câu dẫn hoặc câu hỏi. Phần dẫn của mỗi câu hỏi có nhiều dạng, có thể là: một câu chưa hoàn chỉnh; một câu hỏi được nêu rõ ràng; một câu thiếu thông tin. Chức năng chính của phần dẫn là đặt câu hỏi, đưa ra yêu cầu cho HS thực hiện, đặt ra tình huống/vấn đề cho HS giải quyết.

+ Yêu cầu cơ bản khi viết phần dẫn, phải làm HS biết rõ/hiểu rõ câu hỏi cần phải trả lời,



yêu cầu cần thực hiện, vấn đề cần giải quyết. Một phần dẫn tốt có đặc điểm là: vấn đề hoặc câu hỏi được xác định rõ ràng; có thật và có giá trị kiểm tra chặt chẽ; gây hứng thú đối với học sinh; văn hoá và ngôn ngữ phù hợp; bản quyền rõ ràng; không nêu bao gồm bất kỳ thông tin không cần thiết, thừa nào khác; được viết và thiết kế tốt; đặt ra thách thức một cách tối ưu nhất, không quá khó hoặc quá dễ; không đặt ra những thách thức giả; bao gồm tất cả các thông tin cần thiết để trả lời câu hỏi; đúng với thực tế; đưa ra cơ hội để tìm kiếm câu hỏi,...

Đáp án

+ Là phương án đúng, phương án tốt nhất; đảm bảo chắc chắn rằng chỉ có một câu trả lời chính xác hoặc đúng nhất. Chức năng chính là thể hiện sự hiểu biết của HS và sự lựa chọn chính xác hoặc tốt nhất cho câu hỏi hay vấn đề mà câu hỏi yêu cầu.

+ Yêu cầu khi thiết kế đáp án: trả lời rõ ràng câu hỏi đặt ra; không quá hiển nhiên (không dài hơn, chi tiết hơn hoặc bao gồm các từ khoá chính của phần dẫn); tránh ngôn ngữ song song giữa phần dẫn và đáp án có thể đưa ra gợi ý cho đáp án đúng, tạo cơ hội cho thí sinh không nắm được kiến thức nhưng có chiến lược làm bài; phân phối ngẫu nhiên các câu trả lời trên các vị trí khác nhau trong bài thi, không sử dụng thứ tự dễ đoán cho các đáp án; có cùng độ dài, ngôn ngữ với các phương án nhiễu.

Phương án nhiễu (3 phương án nhiễu)

+ Là câu trả lời đủ hợp lí (nhưng không chính xác) đối với câu hỏi hoặc vấn đề được nêu ra trong câu dẫn để thu hút các HS dưới trình độ của câu hỏi (quan niệm sai lầm phổ biến, hiểu sai căn bản,...); chỉ hợp lí đối với những HS không có kiến thức hoặc không đọc tài liệu đầy đủ; thể hiện những khác biệt mà đòi hỏi thí sinh có thể phải giải quyết một nhiệm vụ hoặc hiểu rõ để trả lời câu hỏi.

+ Yêu cầu khi viết phương án nhiễu: Không sử dụng phương án nhiễu như “Tất cả các phương án trên” hay “Không phương án nào”; đảm bảo sự tương đồng giữa các phương án lựa chọn về mặt: cấu trúc ngữ pháp, chiều dài văn bản, phương thức biểu đạt; tránh lỗi ngữ pháp có thể vô tình cung cấp gợi ý cho câu trả lời; không sử dụng phương án nhiễu tùy tiện nếu chỉ vì không thể nghĩ ra được phương án nhiễu hợp lí.

1.1.3. Ưu điểm và nhược điểm của câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Ưu điểm: Có thể đo được khả năng tư duy khác nhau ... Có thể dùng loại này để kiểm tra, đánh giá những mục tiêu giảng dạy khác nhau; nội dung đánh giá được nhiều, có thể bao quát



được toàn bộ chương trình học; độ tin cậy cao hơn, yếu tố đoán mò may rủi giảm hơn so với câu hỏi có 2 lựa chọn...(câu hỏi đúng sai); độ giá trị cao hơn nhờ tính chất có thể dùng đo những mức nhận thức và tư duy khác nhau và ở bậc cao;

Nhược điểm: Các câu hỏi khó đo được khả năng diễn giải hoặc giải quyết vấn đề một cách hiệu nghiệm; các câu hỏi dễ rơi vào tình trạng kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức nếu viết hời hợt.

1.1.4. Một số chú ý về viết câu hỏi câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Cần xác định đúng mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá để từ đó xây dựng câu hỏi cho phù hợp; mỗi câu hỏi tập trung vào một vấn đề duy nhất.

Câu hỏi cần khai thác tối đa việc vận dụng các kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế trong cuộc sống, tránh viết câu không phù hợp với thực tế; tránh các kiến thức quá riêng biệt hoặc câu hỏi dựa trên ý kiến cá nhân.

1.2. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

1.2.1. Ví dụ

Câu 2. Hãy trả lời mỗi câu hỏi sau đây bằng một cụm từ có tối đa là 4 từ.

a) So với nhóm nước đang phát triển, nhóm nước phát triển có tốc độ tăng trưởng như thế nào? (*Đáp án:* khá ổn định).

b) So với các nước phát triển, các nước đang phát triển có tốc độ đô thị hoá như thế nào? (*Đáp án:* khá nhanh).

1.2.2. Quan niệm về câu hỏi trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu trắc nghiệm trả lời ngắn yêu cầu HS viết ra câu trả lời của mình, thay vì lựa chọn câu trả lời từ các phương án cho sẵn. Câu trả lời có thể là một từ, một con số, một biểu tượng hoặc một cụm từ, hay cũng có thể là một câu trả lời đơn giản.

Loại câu trắc nghiệm này thường được sử dụng để kiểm tra việc ghi nhớ thông tin, sự kiện quan trọng hoặc những kiến thức, khái niệm cơ bản.

Do tính chất trả lời tự do câu hỏi nên HS có thể đưa ra nhiều đáp án khác nhau với việc dùng từ, cách diễn đạt khác nhau mà người biên soạn câu hỏi không thể lường trước được. Để giảm thiểu rủi ro này, người viết có thể nêu rõ giới hạn độ dài của câu trả lời (ví dụ: câu trả lời không quá 4 từ) trong hướng dẫn làm bài.



1.2.3. Ưu điểm và nhược điểm của câu hỏi mở trả lời ngắn

Ưu điểm: Phạm vi ứng dụng rộng rãi, có thể ứng dụng ở hầu hết các nội dung/ chủ đề học tập; giảm thiểu khả năng đoán mò của HS.

Nhược điểm: Nhiều câu hỏi cũng có xu hướng chỉ kiểm tra việc ghi nhớ những chi tiết, vấn đề vụn vặt; giữa các câu hỏi cùng loại, các vấn đề được khảo sát không có sự liên kết với nhau, từ đó giảm hiệu quả đánh giá người học ở những năng lực nhận thức và tư duy bậc cao và phức tạp.

1.2.4. Một số chú ý về viết câu hỏi trả lời ngắn

Câu hỏi có câu trả lời ngắn phải rõ ràng, chính xác và diễn đạt đơn giản, cần được tập trung rõ ràng vào những kỹ năng dự định đánh giá.

Mỗi câu hỏi nên thiết lập một nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng yêu cầu tìm kiếm một câu trả lời cụ thể. Câu hỏi nên cho phép học sinh chứng minh được các kỹ năng cần thiết của mình một cách hợp lý, nhanh chóng. Nếu cần thiết, nên đưa ra hướng dẫn về phạm vi hoặc cấp độ của thông tin và câu trả dự kiến.

1.3. Câu trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi (ghép hợp)

1.3.1. Ví dụ

Câu 3. Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng.

1. Khu vực hoá làm xuất hiện	A. góp phần làm giảm sức ép và sự phụ thuộc từ các nước ngoài khu vực.
2. Khu vực hoá kinh tế	B. phát triển chuỗi liên kết toàn cầu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
3. Thông qua các tổ chức khu vực	C. sự gắn kết, xây dựng một môi trường phát triển ổn định và hợp tác.
4. Khu vực hoá tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi để tăng	D. mỗi quốc gia thành viên đều có điều kiện mở rộng quan hệ kinh tế



	E. làm gia tăng sự bất bình đẳng và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.
	G. các vấn đề cần quan tâm đối với mỗi quốc gia như: tự chủ về kinh tế, cạnh tranh kinh tế.

(Đáp án: 1 – G, 2 – A, 3 – D, 4 – C).

1.3.2. Quan niệm câu hỏi trắc nghiệm ghép hợp

Loại câu hỏi này có phần đề hỏi, gồm các câu hỏi hoặc câu chưa hoàn chỉnh đặt vào một cột; một cột khác là danh sách những câu trả lời hoặc câu ghép với câu ở cột cạnh bên để trở thành câu có nội dung đúng. Dựa trên một hệ thức tiêu chuẩn nào đó định trước, HS tìm cách ghép những câu hỏi của cột này với các câu trả lời ở cột khác sao cho phù hợp. Số câu trong hai cột có thể bằng nhau hoặc khác nhau.

Để đảm bảo độ giá trị của câu hỏi và giảm thiểu khả năng đoán mò của người học khi làm bài, người dạy có thể thiết kế số lượng các lựa chọn trả lời nhiều hơn số lượng các lựa chọn để hỏi (5 – 6 lựa chọn).

1.3.3. Ưu điểm và nhược điểm của câu trắc nghiệm ghép hợp

Ưu điểm: Có thể đo nhiều mức trí năng khác nhau nhưng hữu hiệu nhất trong việc đánh giá khả năng nhận biết các hệ thức hay lập các mối quan hệ tương quan.

Nhược điểm: Không thích hợp cho việc thẩm định các khả năng như sắp đặt và vận các kiến thức, quy luật.

1.3.4. Một số chú ý khi biên soạn câu trắc nghiệm ghép hợp

Cần hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về cách thức ghi câu trả lời.

Phải đảm bảo tính nhất quán, tương đồng giữa các câu hỏi trong cùng một bài tập ghép hợp.

1.4. Câu trắc nghiệm đúng/ sai (hoặc có/ không) phức hợp

1.4.1. Ví dụ

Câu 4. Phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai về vị trí địa lí và lãnh thổ khu vực Mỹ La-tinh?



Phát biểu	Đúng	Sai
A. Lãnh thổ gồm: Mê-hi-cô và eo đất Trung Mỹ, toàn bộ Nam Mỹ và một số đảo, quần đảo của Ấn Độ Dương.		
B. Phần đất liền ở từ khoảng vĩ độ 33°B 54°N; tiếp giáp với Hoa Kỳ, vịnh Mê-hi-cô, biển Caribê và đại dương.		
C. Nằm trên tuyến đường biển quan trọng từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương qua kênh đào Pa-na-ma.		
D. Vùng ven biển phía tây của khu vực Mỹ La-tinh nằm ở trong phạm vi của “vành đai lửa Thái Bình Dương”.		

Đáp án: B, C, D – đúng; A – sai.

1.4.2. Quan niệm về câu trắc nghiệm đúng/ sai hoặc có/ không phức hợp

Câu trắc nghiệm lựa chọn Đúng/ Sai hoặc Có/ Không phức hợp thường có định dạng là có phần đề hỏi và phần trống để HS điền trả lời. Loại câu hỏi này gồm hai cột, một cột là danh sách những câu hỏi và một cột là danh sách các câu trả lời mà người học phải dựa vào hiểu biết của mình để đưa ra quyết định điều đó là Đúng hoặc Sai; Có hoặc Không. Loại câu hỏi này rất phù hợp để khảo sát việc người học ghi nhớ hay nhận biết sự kiện, chi tiết.

Thông thường, trong một câu hỏi có 4 – 5 phương án lựa chọn đúng/ sai, có/ không.

1.4.3. Ưu điểm, nhược điểm của câu trắc nghiệm đúng/ sai phức hợp

Ưu điểm: Có thể đo nhiều mức trí năng khác nhau nhưng hữu hiệu nhất trong việc đánh giá các cấp độ thấp của nhận thức.

Nhược điểm: Không thích hợp cho việc thẩm định các khả năng như sắp đặt và vận các kiến thức, quy luật.

1.4.4. Một số chú ý khi biên soạn câu trắc nghiệm đúng/ sai phức hợp

Mỗi câu trắc nghiệm chỉ nên bao hàm một vấn đề cần kiểm tra, không nên đưa vào nhiều hơn một ý để tránh trường hợp câu hỏi nửa đúng, nửa sai; mỗi nhận định để người học xác định là đúng hay sai cần là một ý trọn vẹn.



Câu trắc nghiệm cần phải được diễn đạt mạch lạc, rõ ràng để có thể xác định được rõ là Đúng hay Sai, tránh các cách diễn đạt có thể gây hiểu nhầm, hoặc không thể xác định được là Đúng hay sai.

1.5. Một số dạng câu hỏi khác

1.5.1. Chữa câu hỏi sai thành đúng

Ví dụ: Câu 5. Phát biểu sau đây đúng hay sai? Nếu sai thì hãy chỉnh sửa thành phát biểu đúng.

Hoa Kỳ là quốc gia có số lượng người nhập cư lớn. Người nhập cư đã bổ sung nguồn lao động có trình độ, giàu kinh nghiệm sản xuất để phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, sự đa dạng về thành phần dân cư cũng gây ra những khó khăn trong phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Dạng câu hỏi này yêu cầu HS phải phát hiện ra điểm sai trong câu văn và chỉnh sửa lại cho đúng cả về nội dung, chính tả, ngữ pháp; câu chữa phải phù hợp văn phong với cả đoạn văn đã cho.

Đáp án: Hoa Kỳ là quốc gia có số lượng người nhập cư lớn. Người nhập cư đã bổ sung nguồn lao động có trình độ, giàu kinh nghiệm sản xuất để phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, sự đa dạng về thành phần dân cư cũng gây ra những khó khăn trong công tác quản lý xã hội.

1.5.2. Đọc đoạn văn cho trước và tóm tắt hoặc nêu nội dung chính

Ví dụ: Câu 5: Đọc đoạn văn sau và tóm tắt ngắn gọn các biện pháp bảo vệ hoà bình thế giới.

Để bảo vệ hoà bình, các nước cần tăng cường việc đối thoại và hợp tác chặt chẽ để giải quyết các vấn đề xung đột và mâu thuẫn trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc: tôn trọng chủ quyền, quyền tự chủ và trách nhiệm chủ đạo của các quốc gia; loại bỏ vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt khác. Các quốc gia cần tăng cường phối hợp trong những tổ chức quốc tế. Các tổ chức quốc tế cũng cần gia tăng vai trò trong việc thúc đẩy và giữ gìn hoà bình thế giới.

Đáp án:

Các nước cần tăng cường đối thoại và hợp tác để giải quyết xung đột, mâu thuẫn,...

Các tổ chức quốc tế gia tăng vai trò gìn giữ hoà bình.



2. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

2.1. Các bước xây dựng đề kiểm tra

Bước 1. Xác định mục đích của đề kiểm tra

Bước 2. Xác định hình thức đề kiểm tra

Bước 3. Thiết lập ma trận và đặc tả của đề kiểm tra

Bước 4. Biên soạn câu hỏi theo ma trận và bản đặc tả

Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm

Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra

2.2. Đề kiểm tra giữa học kì I

2.2.1. Mục đích của đề kiểm tra

– Đánh giá kết quả học tập của HS sau khi học xong các nội dung: Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước; Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế; Một số tổ chức khu vực và quốc tế; Một số vấn đề về an ninh toàn cầu; Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Mỹ La-tinh; EU – Một liên kết khu vực lớn. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.

– Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học.

2.2.2. Hình thức đề kiểm tra

Kết hợp: Trắc nghiệm và tự luận.

2.2.3. Ma trận và Đặc tả của đề kiểm tra

a) Ma trận đề kiểm tra

(Chú ý: Ma trận này dùng cho biên soạn nhiều đề kiểm tra giữa học kì I. Số câu ứng với nội dung trong ma trận này chỉ dùng cho 01 đề kiểm tra minh họa kèm theo. TN - Trắc nghiệm; TL - Tự luận).

Số TT	Nội dung	Mức độ nhận thức và dạng câu hỏi			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao



		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước	2			1				
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế	2			1				
3	Một số tổ chức khu vực và quốc tế	2							
4	Một số vấn đề về an ninh toàn cầu	4							
5	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Mỹ La-tinh	2					1		1
6	EU Một liên kết khu vực lớn. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới	2					1		
Tỉ lệ % của mỗi mức độ nhận thức		40%		30%		20%		10%	

b) Đặc tả của đề kiểm tra

(Chú ý: Bản đặc tả này dùng cho biên soạn nhiều đề kiểm tra giữa học kì I. Số câu ứng với yêu cầu cần đạt trong bản đặc tả này chỉ dùng cho 01 đề kiểm tra minh hoạ kèm theo. TN - Trắc nghiệm; TL - Tự luận).

Số TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức									
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã	<p><u>Nhận biết:</u></p> <p>- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang</p>	2									



	hội của các nhóm nước	<p>phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người), cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người (HDI).</p> <p><u>Thông hiểu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước. - Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế – xã hội của các nhóm nước. <p><u>Vận dụng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập được tư liệu về kinh tế – xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau. 								
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế	<p><u>Nhân biết:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế. <p><u>Thông hiểu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các hệ quả của toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế. 	4			1				



		<u>Vận dụng:</u> – Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. – Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.								
3	Một số tổ chức khu vực và quốc tế	<u>Nhân biết:</u> – Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế.	2							
4	Một số vấn đề về an ninh toàn cầu	<u>Nhân biết:</u> Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.	4							
5	Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Mỹ Latinh	<u>Nhân biết:</u> – Trình bày được một số vấn đề về dân cư, xã hội. <u>Thông hiểu:</u> – Trình bày được vấn đề đô thị hoá. – Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực <u>Vận dụng:</u> – Phân tích được ảnh	2							

		<p>hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.</p> <p>– Phân tích ảnh hưởng của vấn đề đô thị hoá và một số vấn đề dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.</p> <p>– Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.</p> <p><u>Vận dụng cao:</u></p> <p>– Giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.</p> <p>– Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ La-tinh.</p>						1			1
6	EU Một liên kết khu vực lớn. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới	<p><u>Nhân biết:</u></p> <p>– Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.</p> <p><u>Vận dụng:</u></p> <p>– Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện</p>	2								



		của hợp tác và liên kết trong khu vực. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét. <u>Vận dụng cao:</u> – Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.						1		
Số câu	21	16			2		2			1
Tỉ lệ từng mức độ nhận thức (%)	100	40		30		20			10	
Tỉ lệ chung (%)	100		70				30			

2.2.4. Đề kiểm tra (theo số câu ở ma trận và đặc tả ở trên)

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu chọn 1 phương án trả lời đúng.

Câu 1. Các nước đang phát triển phân biệt với các nước phát triển bởi một trong những tiêu chí là

- A. GDP bình quân đầu người thấp hơn nhiều.
- B. đầu tư trực tiếp ra nước ngoài ở mức cao.
- C. chỉ số chất lượng cuộc sống (HDI) rất cao.
- D. dịch vụ có tỉ trọng cao ở trong nền kinh tế.



Câu 2. Các nước phát triển phân biệt với các nước đang phát triển ở

- A. cơ cấu dân số trẻ, lao động đông.
- B. gia tăng tự nhiên dân số rất thấp.
- C. tuổi thọ thấp, tỉ suất tử vong cao.
- D. tốc độ tăng dân số hàng năm lớn.

Câu 3. Toàn cầu hoá kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về

- A. thương mại, tài chính, giáo dục.
- B. tài chính, giáo dục và chính trị.
- C. sản xuất, thương mại, tài chính.
- D. giáo dục, chính trị và sản xuất.

Câu 4. Sự phát triển của thương mại thế giới là động lực chính của

- A. thay đổi cơ cấu ngành sản xuất.
- B. tăng trưởng kinh tế các quốc gia.
- C. phân bố sản xuất trong một nước.
- D. tăng năng suất lao động cá nhân.

Câu 5. Khu vực hoá kinh tế là liên kết kinh tế – thương mại giữa

- A. những khu vực có sự gần gũi nhau.
- B. những nước cùng trình độ phát triển.
- C. các quốc gia có liên quan với nhau.
- D. các nhóm nước có quan hệ với nhau.

Câu 6. Vấn đề chủ yếu cần giải quyết của các quốc gia trong liên kết kinh tế khu vực là

- A. tự chủ về kinh tế và quyền lực quốc gia.
- B. hợp tác thương mại, sản xuất hàng hoá.
- C. trao đổi hàng hoá và mở rộng thị trường.
- D. đào tạo nhân lực và bảo vệ môi trường.

Câu 7. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức thương mại thế giới.
- B. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF).
- C. Ngân hàng thế giới (WB).
- D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.

Câu 8. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức thương mại thế giới.
- B. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF).



C. Ngân hàng thế giới (WB).

D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.

Câu 9. Vấn đề nào sau đây chỉ được giải quyết khi có sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các nước trên toàn thế giới?

A. Sử dụng nước ngọt.

B. Chống mưa a-xit.

C. An ninh toàn cầu.

D. Ô nhiễm đất trồng.

Câu 10. Vấn đề nào sau đây thuộc về an ninh truyền thống?

A. An ninh lương thực.

B. Xung đột về sắc tộc.

C. Xung đột vũ trang.

D. An ninh năng lượng.

Câu 11. Các khu vực trên thế giới chịu tác động mạnh nhất của nạn đói là

A. Tây Á, Trung Phi và Đông Phi.

B. Đông Phi, Trung Phi và Nam Á.

C. Nam Á, Trung Phi và Nam Phi.

D. Nam Phi, Bắc Á và Đông Nam Á.

Câu 12. Loại năng lượng nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sử dụng năng lượng thế giới năm 2020?

A. Than đá.

B. Dầu mỏ.

C. Khí tự nhiên.

D. Thủy điện.

Câu 13. Khu vực Mỹ Latinh có

A. dân số ít, cơ cấu dân số rất già.

B. gia tăng dân số rất cao, dân trẻ.

C. dân số đông, cơ cấu dân số trẻ.

D. gia tăng dân số rất nhỏ, dân già.

Câu 14. Mỹ Latinh có nền văn hoá độc đáo chủ yếu do

A. có nhiều thành phần dân tộc.

B. có người bản địa và da đen.

C. nhiều quốc gia nhập cư đến.

D. quá trình phát triển lâu dài.

Câu 15. Cơ quan nào sau đây bổ nhiệm Ủy ban châu Âu?

- A. Nghị viện châu Âu.
- B. Hội đồng châu Âu.
- C. Hội đồng bộ trưởng EU.
- D. chính quyền các quốc gia.

Câu 16. Liên minh châu Âu (EU)

- A. xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ lớn nhất thế giới.
- B. nhập khẩu chủ yếu máy bay, điện tử, dược phẩm, nông sản.
- C. xuất khẩu chủ yếu mặt hàng dầu, khí đốt tự nhiên, uranium.
- D. hầu hết buôn bán với các nước Đông Nam Á và ở châu Phi.

PHẦN 2. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm)

- a) Các nhóm nước có sự khác biệt như thế nào về dân cư và chất lượng cuộc sống?
- b) Trình bày hệ quả của toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế.

Câu 2 (2,0 điểm)

a) Phân tích tác động của khí hậu khu vực Mỹ La-tinh đến phát triển kinh tế – xã hội. Tại sao khu vực này có diện tích rừng lớn và có nhiều kiểu rừng khác nhau?

b) Căn cứ vào bảng số liệu sau, hãy so sánh về một số chỉ tiêu của EU với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới năm 2021.

Bảng 9.2. Một số chỉ tiêu kinh tế của EU
và các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới năm 2021

Trung tâm Chỉ tiêu	EU	Hoa Kỳ	Nhật Bản	Trung Quốc
GDP (tỉ USD)	17 177,4	23 315,1	4 940,9	17 734,1
GDP/người (USD/người)	38 420	70 247	39 307	12 557



Tỉ trọng trong xuất khẩu của thế giới (%)	31,0	9,2	3,3	12,7
Tỉ trọng trong nhập khẩu của thế giới (%)	29,7	12,6	3,5	11,5

Câu 3 (1,0 điểm)

Giải thích tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Mỹ La-tinh.

2.2.5. Hướng dẫn chấm và thang điểm

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

(Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	C	B	C	A	A	B
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	C	B	B	C	A	B	A

PHẦN 2. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu		Nội dung	Điểm
1 (3,00 điểm)	<i>a</i>	<i>Các nhóm nước có sự khác biệt như thế nào về dân cư và chất lượng cuộc sống?</i>	1,00
		– Các nước phát triển: + Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp, nhiều nước có cơ cấu dân số già. + Chất lượng cuộc sống ở mức cao và rất cao.	0,50
		– Các nước đang phát triển:	0,50



MANG CUỘC SỐNG VÀO BÀI HỌC – ĐƯA BÀI HỌC VÀO CUỘC SỐNG

	<ul style="list-style-type: none">+ Phần lớn có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên vẫn còn cao và đã có xu hướng giảm; cơ cấu dân số trẻ, một số nước đang chuyển dịch sang cơ cấu dân số già.+ Nhiều nước có chất lượng cuộc sống ở mức cao và trung bình, một số nước vẫn ở mức thấp.	
<i>b</i>	<i>Trình bày hệ quả của toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế.</i>	2,00
	<p>– Toàn cầu hoá:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Thúc đẩy chuyên môn hoá, hợp tác hoá, tăng trưởng nhanh kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển chuỗi liên kết toàn cầu. 0,25+ Làm gia tăng mối liên hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực; mở ra nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi những thành tựu của khoa học kĩ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại. 0,25+ Làm xuất hiện và nhân rộng các mạng lưới liên kết. 0,25+ Làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: giữ gìn bản sắc dân tộc, giữ vững tính tự chủ quốc gia về kinh tế,... 0,25 <p>– Khu vực hoá:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi để tăng sự gắn kết, xây dựng một môi trường phát triển ổn định và hợp tác. 0,25+ Tạo khả năng để khai thác hiệu quả và bổ sung nguồn lực phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. 0,25+ Góp phần làm giảm sức ép và sự phụ thuộc từ các nước ngoài khu vực, tạo vị thế của khu vực trên trường quốc tế. 0,25+ Làm xuất hiện các vấn đề cần quan tâm đối với mỗi quốc gia như: tự chủ về kinh tế, cạnh tranh kinh tế, trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực,... 0,25	



2 <i>(2,00 điểm)</i>	<i>a</i>	<i>Phân tích tác động của khí hậu khu vực Mỹ La-tinh đến phát triển kinh tế – xã hội. Tại sao khu vực này có diện tích rừng lớn và có nhiều kiểu rừng khác nhau?</i>	1,00
		<p>- Phân tích tác động:</p> <p>+ Nhiều đới và kiểu khí hậu: xích đạo và cận xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt đới,... tạo điều kiện thuận lợi để đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi.</p> <p>+ Một số nơi có khí hậu khắc nghiệt, thiên tai (bão, lũ lụt,...) gây khó khăn cho sản xuất và đời sống nhân dân.</p> <p>- Giải thích về rừng:</p> <p>+ Khí hậu xích đạo, cận xích đạo và nhiệt đới nóng ẩm dồi dào ở trên phạm vi rộng nên tạo thuận lợi phát triển rừng.</p> <p>+ Khí hậu có nhiều đới và kiểu khác nhau nên có nhiều kiểu rừng khác nhau.</p>	0,25 0,25 0,25
	<i>b</i>	<i>So sánh về một số chỉ tiêu của EU với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới năm 2021.</i>	1,00
		<p>– GDP xấp xỉ Trung Quốc, đứng sau Hoa Kỳ, cao hơn Nhật Bản nhiều lần (gần 3,5 lần).</p> <p>– GDP/người xấp xỉ Nhật Bản, đứng sau Hoa Kỳ, cao hơn Trung Quốc nhiều lần (hơn 3 lần).</p> <p>– Tỷ trọng trong xuất khẩu của thế giới lớn nhất, vượt xa các trung tâm khác, đặc biệt là Nhật Bản.</p> <p>– Tỷ trọng trong nhập khẩu của thế giới lớn nhất, vượt xa các trung tâm khác, đặc biệt là Nhật Bản.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
3		<i>Giải thích tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Mỹ La-tinh.</i>	1,00



	<p>– GDP thấp, chênh lệch giữa các nước, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm và không đều, nợ nước ngoài cao,... Hiện nay, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dịch vụ, một số nước có cơ cấu kinh tế tương đương các nước phát triển.</p>	0,25
	<p>– Nguyên nhân do hầu hết các nước Mỹ La-tinh trước đây đều là những nước nông nghiệp lạc hậu; đường lối phát triển kinh tế chưa hợp lí, phụ thuộc nhiều vào tư bản nước ngoài; các công ty lớn hầu hết do người nước ngoài nắm giữ.</p>	0,50
	<p>– Hiện nay, các nước Mỹ La-tinh đã tăng cường liên kết, hợp tác quốc tế, đầu tư phát triển công nghệ, tập trung củng cố bộ máy nhà nước, mở rộng liên kết,... góp phần thúc đẩy sự phát triển của mỗi quốc gia và khu vực.</p>	0,25

2.2.6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra (nếu cần)

.....

.....

.....

.....